

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2016

(DỰ THẢO)

**BẢNG TỔNG HỢP**  
**NGÂN HÀNG TÊN NHÂN VẬT, SỰ KIỆN LỊCH SỬ ĐỂ ĐẶT, ĐỔI TÊN**  
**ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG**

STT	Họ và tên nhân vật/Sự kiện lịch sử	Đơn vị đề nghị
1	<a href="#">Tôn Đức Thắng</a>	Hội đồng tư vấn thị xã Bình Minh
2	<a href="#">Nguyễn Thị Minh Khai</a>	-
3	<a href="#">Kim Đồng</a>	-
4	<a href="#">Phan Văn Năm</a>	-
5	<a href="#">Nguyễn Văn Trỗi</a>	-
6	<a href="#">Võ Thị Sáu</a>	-
7	<a href="#">Lý Thái Tổ</a>	-
8	<a href="#">Nguyễn Trung Trực</a>	-
9	<a href="#">Nguyễn Thiếp</a>	-
10	<a href="#">Phan Huy Chú</a>	-
11	<a href="#">Võ Trường Toản</a>	-
12	<a href="#">Lê Thánh Tông</a>	-
13	<a href="#">Phan Bội Châu</a>	-
14	<a href="#">Phan Chu Trinh</a>	-
15	<a href="#">Lê Lai</a>	-
16	<a href="#">Trần Bình Trọng</a>	-
17	<a href="#">Ngô Thị Nhậm</a>	-
18	<a href="#">Trần Quang Diệu</a>	-
19	<a href="#">Hoàng Hoa Thám</a>	-
20	<a href="#">Lý Thường Kiệt</a>	-
21	<a href="#">Nguyễn Văn Tồn</a>	Hội đồng tư vấn huyện Trà Ôn
22	<a href="#">Trần Minh Nguyệt</a>	-
23	<a href="#">Trần Vĩnh Miêng</a>	-
24	<a href="#">Nguyễn Kiến Lập</a>	-
25	<a href="#">Lê Thanh Mừng</a>	-
26	<a href="#">Phạm Thi Mến</a>	-
27	<a href="#">Lê Thị Níp</a>	-
28	<a href="#">Lục Sỹ Thành</a>	-
29	<a href="#">Đoàn Văn Hồ</a>	-
30	<a href="#">Lê Văn Nhut</a>	Hội đồng tư vấn huyện Long Hồ
31	<a href="#">Mai Văn Thông</a>	-
32	<a href="#">Trần Bá Bửu</a>	-
33	<a href="#">Huỳnh Văn Huệ</a>	-
34	<a href="#">Trần Văn Tổ</a>	-
35	<a href="#">Phan Văn Kinh</a>	-
36	<a href="#">Phan Văn Học</a>	-

37	<a href="#">Phan Văn Sĩ</a>	-
38	<a href="#">Nhiều Tâm</a>	-
39	<a href="#">Hò Văn Hóa</a>	-
40	<a href="#">Bùi Chí Hiền</a>	-
41	<a href="#">Lê Thị Chút</a>	-
42	<a href="#">Nguyễn Thị Mật</a>	-
43	<a href="#">Lê Thị Nguyên</a>	-
44	<a href="#">Nguyễn Thị Nhuận</a>	-
45	<a href="#">Trần Thị Sành</a>	-
46	<a href="#">Lê Văn Chính</a>	Hội đồng tư vấn huyện Tam Bình
47	<a href="#">Lê Văn Lãng</a>	-
48	<a href="#">Phan Văn Sáu</a>	-
49	<a href="#">Thạch Thiã</a>	-
50	<a href="#">Trịnh Minh Thế</a>	-
51	<a href="#">Võ Văn Tổng</a>	-
52	<a href="#">Lê Văn Tiêu</a>	-
53	<a href="#">Trần Bội Cơ</a>	-
54	<a href="#">Ngô Tùng Châu</a>	-
55	<a href="#">Phan Văn Hòa</a>	-
56	<a href="#">30 tháng 4</a>	-
57	<a href="#">01 tháng 5</a>	-
58	<a href="#">Cách mạng tháng Tám</a>	-
59	<a href="#">Mâu Thân</a>	-
60	<a href="#">Lê Văn Đâm</a>	Hội đồng tư vấn huyện Vũng Liêm
61	<a href="#">Phan Thị Xuân Hoa</a>	Hội đồng tư vấn thành phố Vĩnh Long
62	<a href="#">Trần Văn Mười Một</a>	-
63	<a href="#">Nguyễn Văn Bang</a>	Hội đồng tư vấn huyện Mang Thít
64	<a href="#">Trần Thái Bửu</a>	-
65	<a href="#">Diệp Ngọc Côn</a>	-
66	<a href="#">Nguyễn Ngọc Sương</a>	-
67	<a href="#">Lê Văn Tẹn</a>	-
68	<a href="#">Châu Văn Sanh</a>	-
69	<a href="#">Hò Thị Điều</a>	-
70	<a href="#">Nguyễn Thị Nhan</a>	-
71	<a href="#">Lê Văn Hai</a>	-
72	<a href="#">2 tháng 9</a>	Sở VH TT&DL
<b>Tổng cộng: 67 nhân vật và 05 sự kiện lịch sử</b>		

## 1. TÔN ĐỨC THẮNG

Tôn Đức Thắng (1888-1980), còn có bí danh Thoại Sơn và được người dân Việt Nam gọi với tên thân mật là Bác Tôn, là Chủ tịch nước thứ hai và cuối cùng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và sau này là Chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ông sinh tại Cù lao Ông Hổ, làng Mỹ Hoà Hưng, tổng Định Thành, hạt Long Xuyên (nay thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang) trong một gia đình trung nông, cha là ông Tôn Văn Đê, mẹ là bà Nguyễn Thị Dị.

Thuở nhỏ, ông qua Long Xuyên học chữ Hán với thầy Nguyễn Thượng Khách - một nhà nho yêu nước của phong trào Duy Tân, sau đó học trường tiểu học Long Xuyên. Năm 1907, ông lên Sài Gòn học trường Bá Nghệ và chọn con đường làm người thợ máy. Năm 1916, ông bị bắt sang Pháp làm lính thợ ở quân cảng Tu-lông. Cách mạng Tháng Mười Nga nổ ra và giành thắng lợi (7/11/1917), Pháp và các nước đế quốc liên minh chống lại nước Nga Xô Viết. Ông bị đưa xuống chiến hạm France tiến về Biển Đen bao vây, bắn phá nước Nga. Cùng với anh em thuỷ binh Pháp phản chiến, ngày 19/4/1919, ông kéo lá cờ đỏ lên cột cờ chiến hạm để bày tỏ tình đoàn kết với giai cấp vô sản nước Nga mới. Với hành động đó, năm 1920, ông bị trục xuất về nước. Tại Sài Gòn, ông sống và làm việc trong giới công nhân và thành lập Công hội bí mật Sài Gòn - Chợ Lớn từ năm 1921. Năm 1925, dưới sự lãnh đạo của Tôn Đức Thắng, công nhân xưởng Ba Son đã bãi công, kéo dài thời gian sửa chữa tàu chiến Pháp không cho nó kịp lên đường sang đàn áp cách mạng Trung Quốc. Năm 1927, ông tham gia Kỳ bộ Thanh Niên Nam Kỳ. Ngày 23/7/1929, ông bị Pháp bắt và bị kêu án 20 năm khổ sai đày đi Côn Đảo. Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi, ông được về đất liền (23/9/1945), ông tham gia Xứ ủy Nam Bộ (tháng 10/1945); đặc cử đại biểu vào Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (6/01/1946). Tháng 3/1946, ông ra Hà Nội và từ đó lần lượt phụ trách nhiều nhiệm vụ quan trọng của đất nước: Phó ban Thường trực Quốc hội (1946 - 1955); Trưởng ban (1955 - 1960); Bộ trưởng Bộ Nội vụ (5/1947 - 11/1947); Thanh tra đặc biệt toàn quốc (8/1947); Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc Mặt trận Liên Việt (1951 - 1955); Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955 - 1977); Chủ tịch danh dự Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1977 - 1980); Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1960 - 1969); Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và sau này là Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (1969 - 1980); Chủ tịch danh dự Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam; Chủ tịch Hội Việt - Xô hữu nghị; Chủ tịch danh dự Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam; Ủy viên Hội đồng Hòa bình thế giới; Đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá VI; Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ khoá II đến khoá IV.

Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng là một chiến sĩ cách mạng dân tộc và chiến sĩ cách mạng thế giới vì đã tham gia đấu tranh bảo vệ Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Tháng 12/1955 ông là người Việt Nam đầu tiên nhận được giải thưởng Lênin “Vì hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc” và Huân chương Lênin vào năm 1967. Ông cũng là người Việt Nam đầu tiên được trao tặng Huân chương Sao Vàng là Huân chương cao quý nhất của nước ta vào tháng 8/1958. Tại Hà Nội ngày 30/3/1980, hồi 6 giờ 35 phút, Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng ra đi mãi mãi, hưởng thọ 92 tuổi. Tôn Đức Thắng là một chiến sĩ cách mạng kiên cường và tiêu biểu, “ gương mẫu đạo đức cách mạng, suốt đời cần, kiệm, liêm, chính, suốt đời hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân” (trích lời Chủ tịch Hồ Chí Minh).

## **2. NGUYỄN THỊ MINH KHAI**

Nguyễn Thị Minh Khai tên thật là Nguyễn Thị Vịnh (1910-1941), quê xã Vĩnh Yên, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Bà là nhà cách mạng Việt Nam, một trong những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930-1940.

Năm 1927, bà tham gia hoạt động trong phong trào công nhân ở Vinh và tham gia thành lập Tân Việt Cách mạng Đảng, sau đó được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ.

Năm 1930, bà gia nhập Đảng cộng sản Đông Dương, phụ trách tuyên truyền, huấn luyện đảng viên tại Trường Thi, Bến Thủy. Sau đó, bà sang Hương Cảng làm thư ký cho Nguyễn Ái Quốc ở văn phòng chi nhánh Đông phương bộ của Quốc tế Cộng sản.

Năm 1931, bà bị bắt tại Hương Cảng, bị kết án và giam ở đây. Năm 1934, bà ra tù và được Đông phương bộ Quốc tế Cộng sản cử làm đại biểu chính thức đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản tại Moscow cùng với Lê Hồng Phong và học tại trường Đại học Phương Đông.

Năm 1936, bà được cử về nước truyền đạt chỉ thị của Quốc tế Cộng sản và được cử vào Xứ ủy Nam kỳ, giữ chức Bí thư thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, một trong những người lãnh đạo cao trào cách mạng 1936 - 1939 ở Sài Gòn. Thời gian này, bà lấy bí danh là Năm Bắc.

Năm 1940, bà bị bắt ngay sau phiên họp của xứ ủy Nam kỳ về phổ biến chủ trương khởi nghĩa và bị giam tại khám lớn Sài Gòn. Tuy nhiên, bà vẫn liên lạc với bên ngoài và tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh.

Sau khi khởi nghĩa Nam kỳ thất bại, bà bị thực dân Pháp kết án tử hình và bị xử bắn tại ngã ba Giồng, Hóc Môn, Sài Gòn vào ngày 26/8/1941. Trước khi bị xử bắn, bà đã khẳng khái lên án tội ác thực dân Pháp và hô to: “Đảng cộng sản Việt Nam muôn năm!”, thể hiện tinh thần bất khuất, kiên trung của bà.

### **3. KIM ĐỒNG**

Kim Đồng tên thật là Nông Văn Dền, sinh năm 1928, người dân tộc Nùng ở thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Gia đình Kim Đồng rất nghèo, cha chết vì nạn phu phen lao dịch của thực dân Pháp, anh trai thì bận đi công tác. Kim Đồng ở nhà với người mẹ tàn tật và người em họ mồ côi. Từ thuở nhỏ, Kim Đồng đã có tinh thần yêu nước, căm ghét giặc Pháp. Năm 1941, sau khi Bác Hồ về nước, ở hang Pắc Bó trực tiếp lãnh đạo cách mạng, thì thiếu nhi cũng được tổ chức thành Đội cứu quốc. Hội nhi đồng cứu vong thôn Nà Mạ được thành lập trong đó Kim Đồng là đội viên đầu tiên. Kim Đồng tham gia tích cực mọi hoạt động yêu nước như canh gác, bảo vệ cán bộ, liên lạc, tiếp tế cơm nước... Kim Đồng hy sinh khi đi làm liên lạc, tròn 15 tuổi.

### **4. PHAN VĂN NĂM**

Phan Văn Năm, tên thường gọi là Năm Thục, sinh năm 1918 tại làng Mỹ Thuận, quận trà Ôn, tỉnh Cần Thơ, nay là xã Mỹ Thuận, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Ông là người theo Phật giáo Hòa Hảo, năm 1947 tham gia lực lượng quân sự của Trần Văn Soái (Năm Lửa) nhưng ông lại có cảm tình với cách mạng.

Sau khi Ngô Đình Diệm thanh toán các lực lượng giáo phái không ăn cánh, ngày 5 tháng 6 năm 1955 ông dẫn Tiểu đoàn 77 do chính ông chỉ huy ly khai chính quyền Ngô Đình Diệm mang toàn bộ vũ khí về với nhân dân, tuyên bố chống Diệm cứu nước. Tiểu đoàn 77 sau đó đổi tên thành tiểu đoàn Trần Hưng Đạo rồi phát triển thêm hai tiểu đoàn là tiểu đoàn Hoàng Hoa Thám và tiểu đoàn Phan Đình Phùng, ông được phong làm “Tổng tư lệnh liên quân giáo phái chống Mỹ - Diệm”.

Năm 1957, ông bị địch bắt cầm tù, đến năm 1958 được thả tự do, ông về tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1961, ông được bầu làm Ủy viên Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Năm 1967, trên đường đi công tác về Bình Minh, ông bị địch bắn hy sinh.

## 5. NGUYỄN VĂN TRỖI

Nguyễn Văn Trỗi (1940-1964), quê ở làng Thanh Quít, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông là người đã thực hiện cuộc đánh bom không thành nhằm vào Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Robert McNamara. Ông bị chính quyền Việt Nam Cộng hòa kết án tử hình, ông đã trở nên nổi tiếng với những lời tuyên bố nảy lửa và được tôn vinh như một người anh hùng trong chiến tranh Việt Nam.

Ngày 17 tháng 10 năm 1964, Nguyễn Văn Trỗi đã được Chủ tịch đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” và Huân chương thành đồng hạng Nhất.

## 6. VÕ THỊ SÁU

Võ Thị Sáu (1933 - 1952), là một nữ chiến sĩ được tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Bà quê ở vùng Đất Đỏ, Long Điền, tỉnh Bà Rịa (nay thuộc xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Mới 14 tuổi, bà đã đi theo anh trai tham gia hoạt động cách mạng trên chiến khu. Năm 1949, bà tham gia đội Công an xung phong Đất Đỏ làm liên lạc, tiếp tế. Năm 1950, bà bị chính quyền Pháp bắt; bị tòa án binh Pháp kết án tử hình vào tháng 4/1951, vì đã ném lựu đạn tại chợ Đất Đỏ, giết chết cai tổng Tòng và gây thương tích cho 20 tên lính Pháp. Sau gần ba năm tra tấn, giam cầm, nhà cầm quyền Pháp đưa bà ra giam ở Côn Đảo. Dù các luật sư biện hộ cho bà đã phản đối án tuyên này với lý do bà chưa đủ 18 tuổi. Trước khi bị đưa ra thi hành án, bà bị đày qua các nhà tù Chí Hòa, Bà Rịa và Côn Đảo. Vì nhà cầm quyền Pháp không dám công khai thi hành bản án đối với bà, họ đã lén lút đem bà đi thủ tiêu. Một giai thoại kể khi nhóm đao phủ bảo bà quỳ xuống, bà đã quát lại: “*Tao chỉ biết đứng, không biết quỳ!*”. Bà bị xử bắn ngày 23/01/1952, tại Côn Đảo, khi 19 tuổi.

## 7. LÝ THÁI TỐ

Lý Thái Tổ (974-1028), tên thật là Lý Công Uẩn, người ở hương Diên Uẩn, châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay xã Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh có đền thờ). Khi lên 3 tuổi, mẹ ông đem ông cho Lý Khánh Văn, sư chùa Cổ Pháp làm con nuôi và đi tu từ đó. Đến năm 7 tuổi, ông được cha nuôi là Lý Khánh Văn gửi cho một người bạn-thiền sư nổi tiếng là Vạn Hạnh dạy dỗ, lớn lên với sự bảo hộ của sư Vạn Hạnh, ông vào kinh đô Hoa Lư làm quan nhà Tiền Lê, thăng đến chức Điện tiền chỉ huy sứ, ông là người khoan thứ nhân từ. Dưới triều nhà Tiền Lê, ông làm quan chức Điện tiền chỉ huy sứ, là một chức quan võ chỉ huy quân đội bảo vệ kinh đô Hoa Lư bấy giờ. Ông được lực lượng của Đào Cam Mộc và sư Vạn Hạnh tôn làm vua sau khi vua Lê Long Đĩnh qua đời. Dưới triều ông, triều đình trung ương được củng cố, các thế lực phiên quân bị đánh dẹp, kinh đô được dời từ Hoa Lư về thành Đại La vào tháng 7 năm Thuận Thiên thứ hai (1010), và thành này được đổi tên thành Thăng Long. Lý Công Uẩn là vị vua đầu tiên của nhà Lý trong lịch sử Việt Nam, trị vì từ năm 1009 đến khi qua đời năm 1028.

## 8. NGUYỄN TRUNG TRỰC

Nguyễn Trung Trực (1839 -1868), ông là vị thủ lĩnh phong trào khởi nghĩa chống Pháp ở Tân An (nay thuộc Long An) và Rạch Giá (nay thuộc Kiên Giang), cuối thế kỷ 19 tại Nam kỳ.

Ông xuất thân trong một gia đình chài lưới ở hạ lưu sông Vàm Cỏ, năm 1861 hưởng ứng hịch Cần Vương chống Pháp, ông chiêu mộ một số đông nông dân nổi dậy

đánh phá các đồn Pháp ở các vùng thuộc phủ Tân An. Lập được nhiều chiến công nên được triều đình Huế phong chức Quản cơ.

Nghĩa quân dưới quyền lãnh đạo của ông gồm một số nhà yêu nước: Nguyễn Văn Điền (hay Điền), Nguyễn Học, Hương thân Hồ Quang... tổ chức cuộc phục kích đốt tàu L'Esperance của Pháp trưa ngày 10/12/1861, tại vàm Nhật Tảo. Sau đó, ông tiếp tục chiến đấu qua lại trên địa bàn Gia Định, Biên Hòa. Sau khi ba tỉnh miền đông Nam Bộ mất (hòa ước Nhâm Tuất 1862) ông được phong làm Lãnh binh. Năm 1861, ông lại được triều đình phong chức Hà Tiên thành thủ úy để trấn giữ đất Hà Tiên. Sau khi thành Hà Tiên thất thủ, ngày 23/6/1867, ông rút quân về Rạch Giá tiếp tục cuộc chiến đấu, lập căn cứ ở Hòn Chông. Ngày 16/6/1868 ông cho quân đánh úp đồn Kiên Giang (nay là thành phố Rạch Giá) tiêu diệt địch và làm chủ tình hình. Pháp phản công, ông rút ra đảo Phú Quốc lập căn cứ nhằm chống giặc lâu dài. Pháp phải huy động một lực lượng hùng hậu đến bao vây và tấn công đảo. Đến tháng 10/1868, để bảo toàn lực lượng nghĩa quân và nhân dân trên đảo, ông tự ra nộp mình cho giặc. Chúng nhiều lần dụ dỗ, mua chuộc nhưng ông không ra đầu hàng. Sau đó, ông bị giải về Sài Gòn, Thống Đốc Nam kỳ lúc đó vừa dụ hàng, vừa hăm dọa, ông trả lời: *"Thưa Pháp soái, chúng tôi chắc rằng lúc nào ngài trừ cho hết cỏ trên mặt đất thì chừng đó ngài mới may ra trừ tiệt được những người ái quốc của xứ sở này"*. Cuối cùng giặc Pháp đem ông ra hành hình ở chợ Rạch Giá ngày 27/10/1868, hưởng dương 31 tuổi. Để tỏ lòng biết ơn ông, hiện nay, nhân dân ta thờ cúng ông ở nhiều nơi, trong đó tiêu biểu là Đền Thờ anh hùng Nguyễn Trung Trực tại Long An, Đền Thờ anh hùng Nguyễn Trung Trực tại Rạch Giá và đền thờ anh hùng Nguyễn Trung trực tại Gành Dầu, Phú Quốc.

## 9. NGUYỄN THIẾP

Nguyễn Thiếp (1723-1804), là một danh nhân đời Hậu Lê và Tây Sơn. Ông quê làng Mật Thôn, xã Nguyệt Úc hay Nguyệt Áo (tục gọi là Nguyệt Áo), tổng Lai Thạch, huyện Sơn La. Tổng Lai Thạch sau này lại thuộc về huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Ông sinh ra trong một gia đình thuộc dòng dõi danh gia vọng tộc, là con cháu Lưu Quận Công, Cao tổ của Phú tử là Nguyễn Bật Lang, đậu Bảng Nhãn (dưới Trạng Nguyên, trên Thám Hoa) trong một Chế khoa dưới triều Lê Thần Tông niên hiệu Thịnh Đức nguyên niên (năm 1633).

Nguyễn Thiếp có nhiều tên tự hay tên hiệu, hoặc do ông tự đặt, hoặc do người đương thời xưng tặng, chẳng hạn: Lam Hồng Dị Nhân, Khải Xuyên Lạp phong cư sĩ, Điền ản, Cuồng ản, Hạnh an Hầu lục niên, Lục niên Tiên sinh, La Giang phu tử, La Sơn phu tử... Năm 20 mười tuổi (1743), ông đỗ giải Hương, đến năm 26 tuổi, ông đi thi Hội một khoa vào tam trường. Từ đây, ông thề không đi thi nữa, và quyết tâm dứt bỏ con đường sĩ hoạn, chỉ vì ông thấy rõ lối học từ chương, khoa cử chẳng những vô ích cho bản thân và quốc gia, mà còn di hại cho tiền đồ Tổ quốc và hậu thế không ít. La Sơn Phu Tử chính thức hợp tác với nhà Tây Sơn vào năm 1790. Tháng 10 năm ấy, vua Quang Trung ban chiếu lập Viện Sùng Chính và cử Nguyễn Thiếp làm Viện trưởng. Kể từ đó, La Sơn Phu Tử có nhiều đóng góp quan trọng đối với nhà Tây Sơn và Quang Trung nói riêng. Với cương vị Viện trưởng Viện Sùng Chính, Nguyễn Thiếp đã đề ra những cải cách về văn hóa, giáo dục của nước nhà cuối thế kỷ thứ XVIII. Trong đó, có công lao lớn nhất của Nguyễn Thiếp là thực hiện chủ trương của Quang Trung: chấn hưng, đề cao chữ Nôm, đưa chữ Nôm trở thành văn tự chính thức của nước Việt. Cùng với các đồng sự của Viện Sùng Chính, La Sơn Phu Tử đã dịch nhiều bộ sách quan trọng từ Hán tự sang Nôm, như các bộ: Tiểu Học, Tứ Thư (gồm 42 tập) và các bộ Kinh thi, Kinh Thư, Kinh Dịch... Đồng thời, La Sơn Phu Tử còn là một nhà giáo có công lớn đối

với nền giáo dục nước nhà. Ngay tại khoa thi Hương đầu tiên dưới triều đại Qung Trung (tổ chức ở Nghệ An vào năm 1789), Nguyễn Thiếp được cử làm Chánh Chủ Khảo khoa thi. Đáng lưu ý, La Sơn Phu Tử đã được Quang Trung tin tưởng giao cho việc thẩm định đức độ và tài năng cho những người mới ra hợp tác với nhà Tây Sơn.

## 10. PHAN HUY CHÚ

Phan Huy Chú (1782 - 1840) thuở nhỏ ông có tên là Hạo, sau đổi tên là Chú, sinh ra ở Thăng Long và lớn lên ở Tổng Thụy Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Sơn Tây (nay là thôn Thị Khuê, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội). Ông là con trai thứ ba của danh sĩ Phan Huy Ích người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, phủ Đức Quang, trấn Nghệ An (nay là xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh). Năm 1787, Phan Huy Ích bỏ làm quan với nhà Lê ở Thăng Long và lên Sài Sơn (Sơn Tây) định cư.

Ông đỗ 2 lần tú tài, người đương thời gọi ông là “kép thầy”, làm quan dưới triều vua Minh Mạng. Năm Giáp Thân (1824), ông được cử làm phó sứ sang Trung Quốc. Năm Mậu Tý (1828), làm Phủ thừa tỉnh Thừa Thiên, rồi thăng Hiệp Trấn Quảng Nam. Năm Canh Dần (1830), ông lại đi sứ Trung Quốc. Lúc về ông và chánh sứ điều bị cách chức. Đến cuối năm này, ông dự vào bộ phái sang Batavia (Giang Lư Ba) tại Indonesia để lập công chuộc tội. Khi về vào cuối năm Quý Ty (1833) được bổ làm Tư vụ bộ Công. Chẳng bao lâu ông cáo bệnh xin về hưu, dạy học ở làng Thanh Mai, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây. Ông mất ngày 23 tháng 4 năm Canh Tý (tức 28/5/1840), hưởng dương 58 tuổi. Ông là tác giả bộ bách khoa Lịch triều hiến chương loại chí và nhiều tác phẩm khác. Ông được người đời suy tôn là nhà bác học trên nhiều lĩnh vực của Việt Nam.

## 11. VÕ TRƯỜNG TOẢN

Võ Trường Toản, hiệu Sùng Đức là một nhà giáo Việt Nam nổi tiếng “học rộng, có đức hạnh hơn người” ở Gia Định vào thế kỷ 18. Quê ở huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh, ông được Nguyễn Ánh ban hiệu “Gia Định xử sĩ Sùng Đức Võ tiên sinh”. Ông mất năm 1792, được thờ ở Văn Xương Cát - Vĩnh Long. Mộ được cải táng về Ba Tri, Bến Tre.

## 12. LÊ THÁNH TÔNG

Lê Thánh Tông tên là Tư Thành (1442-1497), làm vua năm 1460. Hai lần đổi niên hiệu: Quang Thuận (1460-1469) và Hồng Đức (1470-1497). Trong gần 40 năm làm vua, ông đã đưa Triều Lê phát triển tới đỉnh cao về mọi mặt: chính trị, xã hội, kinh tế, quốc phòng, văn hóa. Về phương diện văn học, ông là một nhà thơ lớn, tác phẩm ông để lại rất phong phú. Ông làm vua lúc 19 tuổi, ông là vị vua anh minh, có nhiều cải cách kinh tế, chính trị, quân sự. Ông cai trị nhà nước bằng pháp luật, tiêu biểu nhất là Bộ Luật Hồng Đức vẫn còn lưu truyền đến ngày hôm nay.

## 13. PHAN BỘI CHÂU

Phan Bội Châu (1867-1940) tại làng Đan Nhiệm (nay là xã Xuân Hòa), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Lúc nhỏ ông nổi tiếng “thần đồng”, đỗ Giải nguyên (1900). Năm 17 tuổi ông đã viết hịch “Bình Tây thu Bắc”, năm 19 tuổi, ông lập Đội sĩ tử Cần vương để hưởng ứng “Chiếu Cần vương” chống Pháp. Năm 1904, ông thành lập Hội Duy Tân chủ trương “đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt”. Từ 1905 đến 1909, ông trực tiếp lãnh đạo phong trào Đông Du, tổ chức gần 200 thanh niên yêu nước xuất dương sang Nhật Bản học tập quân sự, khoa học kỹ thuật. Tháng 3/1909, ông tổ chức

Đông Du bị giải tán, ông bị trục xuất khỏi Nhật Bản. Ông về Trung Quốc rồi sang Xiêm (Thái Lan) xây dựng cơ sở cách mạng. Tại Trung Quốc ông lập ra Việt Nam Quang phục Hội với cương lĩnh chính trị “đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Cộng hoà Dân quốc”. Tháng 6/1925, ông bị thực dân Pháp bắt và tuyên án tử hình. Trước phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước đòi thả Phan Bội Châu, thực dân Pháp buộc phải đưa ông về an trí ở Bến Ngự (Huế). Trong 15 năm cuối đời, ông vẫn giữ trọn phẩm cách cao khiết, không ngừng tuyên truyền tinh thần yêu nước bằng văn thơ, viết báo, được nhân dân yêu mến.

Phan Bội Châu là chí sĩ yêu nước, nhà cách mạng nổi tiếng theo xu hướng bạo động ở Việt Nam đầu thế kỉ 20, nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc. Ông là “bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng” (Nguyễn Ái Quốc).

## 14. PHAN CHU TRINH

Phan Chu Trinh (1872 - 1926), người làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ (nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam). Ông là nhà thơ, nhà văn và là chí sĩ thời cận đại trong lịch sử Việt Nam. Khoa thi năm 1900, ông đỗ cử nhân thứ ba ở trường Thừa Thiên. Năm sau 1901, triều đình mở ân khoa, ông đỗ phó bảng. Khoảng thời gian này, người anh cả mất nên ông về để tang, ở nhà dạy học đến năm 1903 thì được bổ làm Thừa biện Bộ Lễ. Năm 1905, ông từ quan vào Nam, ra Bắc, sang Nhật tiếp xúc với nhiều nhà chính trị tại đây và xem xét công cuộc Duy Tân của xứ sở này. Sau đó ông về nước và phát động phong trào Duy Tân.

## 15. LÊ LAI

Lê Lai (?-1418), Lê Lai quê ở thôn Dang Ta, huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa. Ông là một tướng lĩnh của quân khởi nghĩa Lam Sơn, người đã hy sinh thân mình cứu chủ tướng Lê Lợi thoát khỏi vòng vây của quân Minh. Người gốc Mường, thôn Dựng Tú, huyện Lương Giang (Thanh Hoá). Lê Lai tính tình cương trực, dung mạo khác thường, có chí khí. Ngay trước khởi nghĩa Lam Sơn ông đã theo hầu Lê Lợi có nhiều công lao. Năm 1416, ông cùng Lê Lợi và các tướng lĩnh khác tham gia Hội thề Lũng Nhai, thề sống chết có nhau, nguyện chung sức đánh đuổi quân Minh xâm lược.

## 16. TRẦN BÌNH TRỌNG

Trần Bình Trọng (1259 - 1285) là danh tướng thời Trần, có công lớn hộ giá bảo vệ cho hai vua Trần (Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông) trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên-Mông lần thứ hai. Ông hy sinh khi chặn quân Nguyên ở bãi Thiên Mạc, được truy phong làm Bảo Nghĩa Vương.

Trần Bình Trọng thuộc dòng dõi Đại Hành Hoàng Đế Lê Hoàn quê ở huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, sinh ở xã Bảo Thái, nay thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Vợ ông là công chúa Thụy Bảo (Thụy Bảo đã có một đời chồng trước là Uy Văn Vương Toại). Sau này, con gái của ông Chiêu Hiến Hoàng thái hậu, là mẹ của Trần Minh Tông, vua thứ năm triều Trần. Sử sách không ghi chép cha mẹ ông là ai. Tuy nhiên, có tài liệu nói phụ thân ông là danh tướng thời Trần Thái Tông là Lê Phụ Trần. Lê Phụ Trần lập công lớn trong cuộc kháng chiến chống Nguyên-Mông lần thứ nhất, nên được vua gả công chúa Chiêu Thánh cho. Trần Bình Trọng có thể là con của Lê Phụ Trần với Lý Chiêu Hoàng.



Tháng 01/1285, 50 vạn quân Nguyên-Mông do Trần Nam Vương Thoát Hoan, con trai của hoàng đế nhà Nguyên Hốt Tất Liệt cầm đầu chia quân làm hai cánh tấn công xâm lược Đại Việt. Quân Nguyên-Mông là đạo quân cực kỳ thiện chiến, nhanh chóng chiếm ưu thế tuyệt đối trước quân Đại Việt, ít hơn và không quen chiến trận. Sau thất bại trong vài trận đánh mở màn, tổng tư lệnh quân Đại Việt, Quốc công tiết chế Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn quyết định lui quân về giữ Vạn Kiếp (nay thuộc vùng Vạn Yên, Chí Linh, Hải Dương). Sau đó, quân Đại Việt lui về Thăng Long, nhưng cũng không giữ được trước sức tấn công ồ ạt của quân Nguyên.

Hưng Đạo Vương quyết định rút khỏi Thăng Long, lui về Thiên Trường (nay là tỉnh Nam Định). Trần Bình Trọng được Hưng Đạo Vương và hai vua Trần giao cho một nhiệm vụ nặng nề: giữ vùng Đà Mạc - Thiên Mạc, ngăn chặn và cầm chân quân Nguyên, đảm bảo cho bộ chỉ huy quân kháng chiến rút lui an toàn và bí mật, không để lại dấu vết.

Tư lệnh quân Nguyên là Thoát Hoan đặc biệt ưu tiên cho cánh quân truy đuổi này với hai đạo cả thủy lẫn bộ đều do những tướng giỏi, hữu thừa Khoan Triệt và tả thừa Lý Hằng cùng Ô Mã Nhi chỉ huy, đều dùng quân kình kỵ và thuyền nhẹ để truy đuổi bằng được hai vua Trần. Trần Bình Trọng đã tổ chức cuộc đánh chặn ngay tại bãi Thiên Mạc. Do sự chênh lệch quá lớn về quân số, ông bị bắt, nhưng trận đánh là một thắng lợi cực kỳ quan trọng về mặt chiến lược với cuộc kháng chiến khi kể từ đó, quân Nguyên hoàn toàn mất dấu bộ chỉ huy kháng chiến. Sau khi bắt được ông, tướng Nguyên tìm mọi cách để khai thác thông tin, dọa nạt, dụ dỗ ông. Tuy nhiên, ông kiên quyết không khuất phục. Khi được hỏi có muốn làm vương đất Bắc không, ông khẳng khái trả lời “*Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc, ta đã bị bắt thì có một chết mà thôi, can gì mà phải hỏi lời thôi*”. Trần Bình Trọng được các sử gia đời sau đánh giá rất cao vì lòng yêu nước và tinh thần chống ngoại xâm, trở thành một biểu tượng cho các cuộc kháng chiến chống phương Bắc sau này.

## 17. NGÔ THÌ NHẬM

Ngô Thì Nhậm (1746 - 1830) hay còn gọi là Ngô Thời Nhiệm, tự là Hy Doãn, hiệu là Đạt Hiên, là danh sĩ, nhà văn đời hậu Lê - Tây Sơn, người có công lớn trong việc giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh. Ngô Thì Nhậm xuất thân trong gia đình danh gia vọng tộc chốn Bắc Hà, là con Ngô Thì Sĩ, người làng Tả Thanh Oai (nay thuộc huyện Thanh Trì Hà Nội). Ông là người thông minh, học giỏi, sớm có những công trình về lịch sử. Ông thi đỗ giải nguyên năm 1768, rồi tiến sĩ tam giáp năm 1775. Sau khi đỗ đạt, ông được bổ làm quan ở bộ hộ dưới triều Lê-Trịnh, được chúa Trịnh Sâm rất quý mến. Năm 1778, ông làm Đốc đồng Kinh Bắc và Thái Nguyên. Khi đó cha ông làm Đốc đồng Lang Sơn. Cha con ông đồng triều, nổi tiếng văn chương trong thiên hạ.

Năm 1790, vua Quang Trung giao cho Ngô Thì Nhậm giữ chức Binh bộ Thượng thư. Tuy làm ở bộ Binh, nhưng ông chính là người chủ trì về các chính sách và ngoại giao với Trung Hoa, ông là người đứng đầu một trong những sứ bộ ngoại giao sang Trung Hoa.

## 18. TRẦN QUANG DIỆU

Trần Quang Diệu (1760-1802) danh tướng, chồng của nữ tướng Bùi Thị Xuân, tham gia phong trào Tây Sơn rất sớm, có tham dự trận đại phá quân Thanh xuân Kỷ Dậu. Năm 1789 được Quang Trung cử làm đốc trấn, trông coi việc xây dựng thành Phượng Hoàng trung đô Nghệ An. Năm 1790-1791, chỉ huy các cuộc đánh dẹp lực lượng chống

đổi của nhà Lê cũ. Bấy giờ, bọn hoàng thân Lê Duy Chi được một số tù trưởng Bảo Lạc (Hà Tuyên), Cao Bằng và cả quốc trưởng Vạn Tượng (Lào) giúp đỡ, hoạt động khá mạnh mẽ. Trần Quang Diệu đã đánh tan quân Lê Duy Chi và các lực lượng cấu kết trên. Thời Quang Toản, ông là chủ tướng quan trọng nhất đánh thế lực Nguyễn Ánh, giữ phần đất phía Nam. Năm 1801, ông đánh chiếm lại thành Quy Nhơn nhưng không bắt tội bọn lính trong thành, ngược lại cho chôn cất 2 viên tướng Ngô Tùng Chu và Võ Tánh tử tế. Năm 1802, ông dẫn tướng binh ra Nghệ An để lo chống giữ, ông bị bắt tại Thanh Chương, Nguyễn Ánh muôn chiêu dụ nhưng ông không chịu khuất phục, Nguyễn Ánh đã giết ông.

## 19. HOÀNG HOA THÁM

Hoàng Hoa Thám (1858-1913), còn gọi là Đề Thám. Lúc nhỏ, ông tên là Trương Văn Nghĩa, quê ở làng Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, sau di cư lên Sơn Tây (Hà Tây), rồi đến Yên Thế (Bắc Giang). Cha là Trương Văn Thận và mẹ là Lương Thị Minh. Năm 16 tuổi, ông tham gia khởi nghĩa của Đại Trận (1870-1875). Khi Pháp chiếm Bắc Ninh 3/1884, ông gia nhập nghĩa binh của Trần Quang Loan, lãnh binh Bắc Ninh. Năm 1885, ông tham gia khởi nghĩa của Cai Kinh (Hoàng Đình Kinh) ở Lạng Giang (1882-1888). Sau khi Cai Kinh chết, ông đứng dưới cờ nghĩa Lương Văn Năm (tức Đề Năm) và trở thành một tướng lĩnh có tài. Tháng 4/1892, Đề Năm bị thủ hạ Đề Sắt sát hại và Hoàng Hoa Thám trở thành thủ lĩnh tối cao của phong trào Yên Thế. Ông tiếp tục hoạt động, lập căn cứ ở Yên Thế và trở thành thủ lĩnh danh tiếng nhất của phong trào nông dân chống Pháp. Gần 30 năm, nghĩa quân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám chỉ huy đã làm cho giặc Pháp kinh hồn bạt vía. Chúng treo thưởng 30.000 France cho kẻ nào “lấy được đầu Đề Thám”. Các chí sĩ yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... đã gặp gỡ ông để mưu toan nghiệp lớn. “Hùm xám” vùng Yên Thế, người đã khiến cho cả Thống sứ Bắc Kỳ, các viên công sứ vùng thượng du Bắc Bộ phải “lo sợ tới bạc đầu”.

Sau khi lên tận núi rừng Yên Thế hiểm trở thăm ông, với hào lũy, cơ nghiệp hùng mạnh một cõi, cụ Phan Bội Châu đã suy tôn ông là vị tướng quân chân chính (Chân tướng quân). Khi bị sát hại, ông 55 tuổi. Nguyên nhân là do Pháp cay cú huy động một lực lượng khổng lồ với 15.000 quân viễn chinh, lính khố xanh cùng 400 lính đồng tấn công nghĩa quân Yên Thế, làm nghĩa quân bị tổn thất nặng nề.

Thứ nữa là có kẻ làm phản, chỉ điểm cho “sát thủ” trá hàng ám hại ông. Ông bị mắc mưu ba tên đồng đảng của Lương Tam Kỳ, chúng “trá hàng” với lời hứa sẽ bày cho nghĩa quân cách chế tạo bom tấn. Tại một ngôi lều chạy loạn ở khu vực Hồ Nậy, chúng chuốc rượu say rồi giết ông cùng 2 thuộc hạ thân tín của ông. Chúng mang đầu 3 ông ra Nhã Nam giao nộp cho giặc Pháp, đó là ngày 10/2/1913 dương lịch, thủ cấp của ông cùng thuộc hạ bị giặc bêu ở cả Nhã Nam, Bắc Ninh để thị uy dân chúng.

Hiện, ở khu vực Hồ Nậy, vẫn có một ngôi mộ nghi là của cụ Đề Thám. Nhưng nhiều bà con cho rằng, ngay cả cái thủ cấp đem “bêu” cũng không phải là của ông. Lý do là khi giặc Pháp yêu cầu nhận dạng, nhiều người bị ép cung, bị tra tấn ghê quá mới nói bừa là của ông, song thực tế không phải. Ông đã kịp “biến mất trong rừng” (rời chết ở Mai Trung?). Sau này, bà Hải, người giúp việc của bà Hoàng Thị Thế, con gái cụ Đề có thuê các nhà ngoại cảm đi tìm mộ “Hùm xám Yên Thế”, nhưng không thấy”.

## 20. LÝ THƯỜNG KIỆT

Lý Thường Kiệt (1019 - 1105), tên thật là Ngô Tuấn, người phường Thái Hòa, thành Thăng Long (Hà Nội ngày nay). Là một danh tướng, làm quan đời nhà Lý có công đánh bại quân nhà Tống vào năm 1075-1077. Ngoài ra, năm 1069, ông theo vua Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, ông làm tiên phong đi đầu, truy bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Cuối cùng Chế Củ phải chịu hàng, dâng 3 châu để được tha về nước.

## 21. NGUYỄN VĂN TỒN

Thống chế Điều bát Nguyễn Văn Tồn (1763-1820) là một danh tướng và nhà khai hoang thời nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam. Ông là người có công lớn trong việc giúp Thoại Ngọc Hầu chỉ huy dân binh đào kênh Vĩnh Tế (Châu Đốc, An Giang) và giúp dân nhiều vùng trong tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh khai khẩn đất hoang, thành lập nhiều xóm làng. Ông nguyên gốc người Khmer, có tên là Thạch Duồng hay Thạch Duông, sinh năm Quý Mùi (1763), tại làng Nguyệt Lăng, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, dưới thời chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát.

Thời trẻ, ông được sung vào hàng dịch đình nô (người giúp việc trong phủ chúa), hết lòng tận tụy trung thành nên được cho chuyển làm Cai đội, lập nhiều công lớn. Chúa Nguyễn Ánh ban cho ông tứ danh là Nguyễn Văn Tồn. Năm 1787, ông được giao quyền làm Nội thuộc Cai đội thống quản, đóng đồn tại Cầu Kè, Trà Ôn, tiên hành khai khẩn đất hoang để trồng trọt.

Năm 1802, ông được thăng làm Cai cơ, Chương quản thủy quân doanh, đưa quân bản bộ về quê, trấn giữ đồn Uy Viễn (Trà Ôn) thuộc đạo Trấn Giang (Cần Thơ) kiêm quản xuất hai phủ là Trà Vinh và Mân Thít thuộc dinh Vĩnh Trấn, tiếp tục công việc mở đất, tạo lập xóm làng, giữ gìn an ninh ở biên giới Tây Nam. Năm 1810, ông được cử ở lại Nam Vang để giúp vua Cao Miên trị nước, an dân. Năm Gia Long thứ 10 (1811), ông được triệu về kinh để nhận ban thưởng và được thăng hàm Thống chế, tước Dung Ngọc hầu. Năm 1813, ông trở về nước, lại cai quản vùng Trà Ôn, Cầu Kè, Trà Vinh, tiếp tục chiêu dân vùng Trà Ôn, Mang Thít khai khẩn đất hoang, thành lập xóm làng. Năm 1819, ông được triều đình bổ vào chức Điều bát nhưng vụ, dẫn một đoàn dân binh Khmer khoảng 500 người đến Châu Đốc để cùng với Thoại Ngọc Hầu, Tuyên Trung Hầu lo việc đào kinh Vĩnh Tế. Do lao tâm, lao lực, mùng 4 tháng Giêng năm Canh Thìn (tức 27/2/1820), ông bị bệnh mất tại Trà Ôn (Vĩnh Long).

Tưởng thưởng công lao của ông, triều đình cho lập Lăng tại giồng Thanh Bạch, Thiện Mỹ, Trà Ôn. Năm 1994, lăng ông Nguyễn Văn Tồn được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa quốc gia.

## 22. TRẦN MINH NGUYỆT

Trần Minh Nguyệt (1909-1940), người giáo viên tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí hội, người nữ đảng viên sớm nhất ở huyện Tam Bình, Hội trưởng phụ nữ đầu tiên tỉnh Vĩnh Long. Bà tổ chức được Hội phụ nữ giúp nhau học tập, giúp nhau có việc làm. Hội người lao động, công nhân, khuôn vác được vào học không mất tiền. Bà tham gia phong trào vận động vô sản hóa đối với công nhân cây xăng Nhà Bè (Sài Gòn). Bà mất ngày 26/11/1940, sau cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ba ngày, ở tuổi 31.

## **23. TRẦN VĨNH MIÊNG**

Trần Vĩnh Miêng (1893-1988), sinh ra ở xã Vĩnh Xuân, nhưng chính quê ở Trà Ngoa, xã Trà Côn. Ông tham gia vào tổ chức Hội Ái hữu, Hội Nông dân. Trong các năm 1929-1930, ông tuyên truyền tổ chức được gần 100 hội viên, chia ra thành vạn phát, vạn cấy, vạn gặt mà sinh hoạt. Ông từng là Hội trưởng Nông hội đỏ xã Trà Côn.

Tháng 3/1930, ông huy động lực lượng xã Trà Côn phối hợp với các xã trên có hơn 800 người, ra giữa đồng mít tinh mừng Đảng cộng sản ra đời. Năm 1931, ông và Đặng Thị Niệm (em bà con cô cậu) vận động hai cuộc biểu tình lớn tuần hành qua các xã Trà Côn, Vĩnh Xuân, Hựu Thành, Thới Hoà kéo vào trụ sở xã treo cờ búa liềm, rồi rải truyền đơn cảnh cáo bọn gian ác. Cuộc biểu tình đấu tranh này tạo tiếng vang mà báo Lao Động ở Pháp có đăng tin.

- Giai đoạn từ tháng 12/1954 - 12/1955 ông làm Bí thư Thị ủy Vĩnh Long.

## **24. NGUYỄN KIẾN LẬP**

Nguyễn Kiến Lập (1925-2015) tên thường dùng là Nguyễn Thành Thơ (thường gọi Mười Thơ, Chín Bôn). Ông sinh ngày 03/10/1925, tại La Ghi, xã Vĩnh Xuân, quận Cầu Kè, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Vĩnh Xuân, Trà Ôn, Vĩnh Long). Con nhà nho yêu nước Nguyễn Nguơn Hanh, gia đình ông là nơi nuôi chứa các vị lão thành cách mạng như: Tạ Uyên, Nguyễn Văn Thiệt, Nguyễn Văn Nhung... Ông là người vốn thông minh, học giỏi và sớm gần gũi với các đồng chí làm cách mạng, nên ngay khi còn cấp sách đến trường, ông được sự giáo dục và sớm tham gia đưa thư, cất giấu tài liệu, gác đường, báo tin... Năm 1936, khi mới 11 tuổi ông tham gia Đội thiếu niên dân chủ, tiếp theo là Đoàn thanh niên dân chủ, rồi Đoàn thanh niên phản đế, phục vụ các đồng chí lãnh đạo đấu tranh cũng như gây dựng củng cố cơ sở ở nhiều nơi.

Năm 1939-1943, ông công tác ở tờ báo Tiến Lên, cơ quan ngôn luận của Xứ ủy Nam kỳ, cơ quan bí mật hoạt động ở thị xã Vĩnh Long. Sau đó ông được phân công công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy Cần Thơ, tham gia Nam kỳ khởi nghĩa ở huyện Cầu Kè. Do công tác tích cực nên đầu năm 1943, ông được kết nạp vào Đảng, lúc 18 tuổi. Từ năm 1943-1955, ông trải qua các chức vụ Bí thư Chi bộ xã Vĩnh Xuân; Bí thư Huyện ủy Cầu Kè kiêm bí thư Chi bộ Vĩnh Xuân, ông chỉ đạo cướp chính quyền tháng 8/1945 ở Vĩnh Xuân và Cầu Kè giành thắng lợi; Bí thư Thị xã ủy Cần Thơ; Tỉnh ủy viên - Trưởng Ban Tổ chức tỉnh Vĩnh Long; Phó Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ.

Giai đoạn 1956-1975, ông giữ các chức vụ: Bí thư Tỉnh ủy Tam Cần; Khu ủy viên, Phó Bí thư Khu ủy, Bí thư Khu ủy; Trưởng Ban Binh vận Trung ương cục. Sau 30/4/1975 là Phó Bí thư, Phó Chủ tịch UBND Tp. Hồ Chí Minh; Ủy viên Trung ương Đảng - Phó Ban Cải tạo nông nghiệp Trung ương. Đến năm 1991, ông nghỉ hưu.

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, ông được Đảng, Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều Huân chương cao quý khác. Ông từ trần năm 2015, hưởng thọ 90 tuổi.

## **25. LÊ THANH MỪNG**

Lê Thanh Mừng (1944-1972) tên thường gọi là Sáu Trương, quê tại ấp Vĩnh Hội, xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Tháng 7/1962, ông gia nhập quân đội. Ông đã chiến đấu trên 200 trận lớn nhỏ, vừa đánh đặc công, đánh cầu, lộ, sân bay, vừa đánh tập kích, phục kích và bao giờ cũng

hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ông đã diệt hàng trăm tên địch, bắt sống 4 tù binh, thu trên 50 súng. Năm 1963, ông là tiểu đội phó thuộc đơn vị đặc công 513 được giao nhiệm vụ làm mũi trưởng mũi chủ yếu trong trận Long Phi. Năm 1964, ông được đề bạt làm trung đội trưởng của đại đội đặc công 513. Năm 1968, ông là trợ lý đặc công, đồng thời là đại đội trưởng đơn vị 513.

Tháng 5/1972, ông được cấp trên giao nhiệm vụ chỉ huy trận đả viện Lộc Hoà với vũ khí là 5 trái ô buýt và 5 bom bi. Lúc địch lọt vào trận địa, ông nổ súng diệt gọn một trung đội địch, ông mất cùng thời gian đó vào tháng 5/1972. Ông được tặng thưởng 01 Huân chương kháng chiến hạng ba; năm 1978, được Quốc hội và Chính phủ truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

## **26. PHẠM THỊ MẾN**

Phạm Thị Mến (12/6/1939- 19/12/1961), quê tại ấp Ngãi Lộ, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn. Tháng 10/1957, bà tham gia cách mạng và phụ trách giao liên xã Trà Côn, rồi được rút về cơ quan huyện ủy Trà Ôn phụ trách công tác giao liên cho Huyện ủy.

Trong quá trình hoạt động cách mạng bà đã chuyển rất nhiều thư và tài liệu một cách an toàn mà không bị phát hiện. Đến tháng 10/1958, bà được đứng vào hàng ngũ Đoàn Thanh niên cộng sản, trong suốt quá trình tham gia cách mạng bà 3 lần bị địch bắt. Năm 1961, bà bị địch bắt, bị tra tấn dã man nhưng không khai báo, bà bị địch sát hại vào ngày 19/12/1961.

Phạm Thị Mến được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, vào năm 1999.

## **27. LÊ THỊ NÍP**

Lê Thị Níp (1944-1967), còn gọi là Bảy Hoàng Sơn, quê ở xã Hoà Bình (nay xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long).

Bà là học sinh trường Trung học phổ thông huyện Tam Bình, bà vừa học, vừa nhận nhiệm vụ hoạt động bí mật trong lòng địch. Với mưu trí, khôn khéo, gan dạ bà luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bà được giao nhiệm vụ làm kế toán Ban kinh tài huyện Trà Ôn. Từ khi thoát ly gia đình đi theo cách mạng bà luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Ngày 27/3/1967, địch phát hiện được hầm bí mật, bà đã anh dũng hy sinh, nêu tấm gương sáng thà hy sinh chứ không đầu hàng giặc, bảo vệ tiền bạc, tài chính của cách mạng. Ngày 5/12/2007, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định số 1481/2007/QĐ/CTN truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” cho liệt sĩ Lê Thị Níp.

## **28. LỤC SĨ THÀNH**

Lục Sĩ Thành (1924-1946), sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng, sớm giác ngộ cách mạng. Thấy ông có nhiều triển vọng nên cấp trên rút anh về bổ sung cho phân đội 12 trực thuộc quân khu 9. Tháng 8/1946, Phân đội được tăng cường về huyện Trà Ôn là nơi có vị trí đặc biệt về quân sự. Ngày 12/10/1946, Phân đội do Lục Sĩ Thành chỉ huy phối hợp với du kích xã đánh đồn cù lao Mây. Ông cải trang như xuồng chở hàng, tiếp cận đồn địch bất ngờ nổ súng, địch lớp chết, lớp bị thương, bọn còn lại hoảng loạn tháo chạy, ông và đội du kích xông lên diệt địch, chiếm đồn, chẳng may ông bị thương gãy chân. Do điều kiện cứu thương lúc bấy giờ còn thiếu thốn, do bị mất máu nhiều, ông đã trút hơi thở cuối cùng trong vòng tay đồng bào, đồng chí

trên mảnh đất cù lao anh hùng. Lục Sĩ Thành là chiến sĩ cách mạng đầu tiên anh dũng hy sinh trên vùng đất cù lao Mây trong những năm đánh Pháp. Tiểu đội trưởng Lục Sĩ Thành hy sinh lúc còn quá trẻ (22 tuổi). Cảm mến trước sự chiến đấu và hy sinh anh dũng của Lục Sĩ Thành, nhân dân trong xã đề nghị thay tên xã Thạnh Mỹ Hưng thành xã Lục Sĩ Thành. Ngày 23/2/2010, ông vinh dự được Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

## **29. ĐOÀN VĂN HỔ**

Đoàn Văn Hổ (1960-1974), quê ở ấp Vĩnh Khánh II, xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn. Năm 10 tuổi, ông được phân công đi nắm tình hình địch trong xóm để báo cáo lại cho cán bộ ta. Năm 12 tuổi, ông thoát ly theo cách mạng và được nhận vào Văn phòng Chi bộ xã làm những công việc phù hợp với tuổi của mình.

Ngày 15/12/1974, Đoàn Văn Hổ giả dạng làm người đi chăn trâu, để thi hành nhiệm vụ chuyển thư của Huyện ủy Trà Ôn triệu tập đồng chí Bí thư chi bộ Bùi Văn Dur về huyện họp. Lá thư được chuyển đến tay đồng chí Tư Dur và nhận từ tay đồng chí Tư Dur lá thư báo cáo lại cho Huyện ủy. Lần này ông bị địch phát hiện, bị bắt đem về đồn. Ông bị chúng tra tấn một cách dã man chết đi sống lại nhiều lần để moi tin tức. Ông một mực không khai cho đến khi hy sinh.

Ngày 5/12/2007, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 1481/2007/QĐ/CTN truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” cho liệt sĩ Đoàn Văn Hổ.

## **30. LÊ VĂN NHỰT**

Lê Văn Nhựt sinh năm 1904, quê quán ở xã An Bình, huyện Long Hồ (Vĩnh Long). Ông sang Pháp du học và đậu bằng Tú tài năm 1930, ông về nước năm 1932 và tham gia cách mạng. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, ông giữ chức vụ Giám đốc Quốc gia Tự vệ cuộc tỉnh Vĩnh Long (Giám đốc Công an).

Sau khi Pháp tái chiếm Vĩnh Long, trong một chuyến công tác vượt sông Cổ Chiên, ông bị Pháp bắn bị thương. Ngày 17/10/1946, địch tổ chức trận càn lớn ven Thị xã Vĩnh Long, vì chân bị thương chạy không kịp nên ông đã bị bắt. Bọn Pháp vừa dụ dỗ vừa đe dọa, yêu cầu ông hợp tác với chúng, viết lời kêu gọi lực lượng tự vệ cuộc buông súng ra hàng. Ông không nao núng còn lớn tiếng vạch trần tội ác của bọn thực dân. Biết không thể thu phục được ông, chúng bắn ông chết tại Ngã Tư Long Hồ (vườn Cò). Ông hy sinh ngày 20/10/1946. Ngày 22/7/1998, ông được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Ông được công nhận là cán bộ lão thành cách mạng ngày 05/8/2001.

## **31. MAI VĂN THÔNG**

Mai Văn Thông (Sáu Thông) sinh năm 1896, quê quán ở xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ông tham gia cách mạng năm 1930.

Năm 1932-1939, ông là Bí thư chi bộ làng Phú Đức; Năm 1940-1945, Bí thư Chi bộ xã An Đức, quận Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, ông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Ngã Tư (Ngã Tư Long Hồ), về sau ông giữ nhiều chức vụ khác do Đảng phân công.

Ông anh dũng hy sinh năm 1961 trong trận chống địch càn quét lần chiếm. Mai Văn Thông được công nhận cán bộ lão thành cách mạng ngày 05/8/2001.

### **32. TRẦN BÁ BỬU**

Trần Bá Bửu (Mười Bửu, Ép em đầu bạc), sinh năm 1914, quê quán ở xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ông tham gia cách mạng năm 1939, hoạt động trong phong trào học sinh. Năm 1931, học sinh trung học Taber (Mỹ Tho) tham gia bãi khóa. Bị nhà cầm quyền truy lùng nên lánh sang Nam Vang. Năm 1946, ông làm Trưởng Công an Tam Bình. Năm 1948, ông làm Bí thư Huyện ủy Tam Bình.

Năm 1950, ông giữ chức vụ Bí thư Quận ủy Quận I (quận Châu Thành, nay là huyện Long Hồ), tỉnh Vĩnh Long; Năm 1953, là Trưởng Ban Binh Vận, tỉnh Vĩnh Long.

Ông hy sinh ngày 18/12/1956. Trần Bá Bửu được công nhận cán bộ lão thành cách mạng ngày 05/8/2001. Ông được Đảng, Nhà nước truy tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất.

### **33. HUỖNH VĂN HUỆ (Mười Huệ)**

Huỳnh Văn Huệ, sinh năm 1918, quê quán ở ấp Phước Ngon A, xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ông tham gia cách mạng tháng 4/1945, tháng 8/1945, ông được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Năm 1947, ông giữ chức vụ Bí thư Quận ủy Quận I (quận Châu Thành, nay là huyện Long Hồ), tỉnh Vĩnh Long. Sau đó giữ nhiều chức vụ quan trọng khác do Đảng phân công. Từ năm 1979, đến khi về hưu ông công tác ở Văn Phòng B Tổng Công Đoàn Việt Nam.

Ông từ trần ngày 02/7/1988. Huỳnh Văn Huệ được công nhận Cán bộ lão thành cách mạng ngày 01/8/2001.

### **34. TRẦN VĂN TỎ (Ba Công)**

Trần Văn Tỏ tên thường gọi là Ba Công, sinh năm 1925, quê quán ở xã Lục Sĩ Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Trước tham gia bộ đội, năm 1971, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, huyện Trà Ôn (Vĩnh Long); Năm 1973, ông giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Châu Thành (Vĩnh Long), nay là huyện Long Hồ (Vĩnh Long).

Sau 30/4/1975, ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Quân Quản tỉnh Vĩnh Long.

Ông bệnh mất tháng 6/1975.

### **35. PHAN VĂN KINH**

Phan Văn Kinh, sinh năm 1908, quê quán ở xã Phú Đức, huyện Long Hồ. Ông là một trong những đảng viên đầu tiên ở xã Phú Đức. Năm 1931, ông bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Năm 1936, ông được thả về và tiếp tục hoạt động cách mạng. Tháng 11/1940, ông tham gia khởi nghĩa Nam kỳ ở ngã tư Long Hồ. Sau đó bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo lần thứ 2, chúng tra tấn ông dã man. Ông hy sinh tại Côn Đảo năm 1941.

Phan Văn Kinh được công nhận cán bộ lão thành cách mạng ngày 10/9/2001.

### **36. PHAN VĂN HỌC**

Phan Văn Học, sinh năm 1912, ở xã Phú Đức, Long Hồ. Ông tham gia cách mạng 1930, là đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam thuộc Chi bộ làng Phú Đức. Ông hoạt động tích cực trong phong trào đấu tranh dân chủ 1936-1939. Năm 1940, ông tham

gia khởi nghĩa Nam kỳ tại ngã tư Long Hồ. Sau đó bị địch bắt tra tấn dã man nhưng không khai báo, địch đày ông ra Côn Đảo. Ông hy sinh ngày 29/07/1943 vì những đòn tra tấn dã man của địch.

Phan Văn Học được công nhận cán bộ lão thành cách mạng ngày 10/9/2001.

### **37. PHAN VĂN SĨ**

Phan Văn Sĩ (Mười Sĩ), sinh năm 1919, quê quán ở xã Phú Đức, Long Hồ, ông tham gia cách mạng tháng 02/1938. Đầu năm 1939, ông được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương, sau đó là Bí thư Chi bộ xã Phú Đức. Ông là một trong những người lãnh đạo chỉ đạo cuộc Khởi nghĩa Nam kỳ tại Ngã Tư Long Hồ ngày 22-23/11/1940, sau đó ông bị địch bắt đánh đập nhưng ông luôn giữ khí tiết của người Cộng sản, địch đày ông ra Côn Đảo. Ngày 01/5/1943, trong một cuộc đấu tranh với địch ở nhà tù Côn Đảo chúng tra tấn ông đến chết.

Phan Văn Sĩ được công nhận là cán bộ lão thành cách mạng ngày 10/9/2001.

### **38. NHIÊU TÂM (nhà thơ)**

Nhà thơ Nhiều Tâm tên thật là Đỗ Như Tâm, vì ông có chân trong “Nhiều học” (người được hưởng học bổng của nhà nước phong kiến), nên người ta thường gọi ông là Nhiều Tâm.

Ông sinh năm 1840, sống ở làng Sơn Đông (nay thuộc xã Thanh Đức, huyện Long Hồ), mất năm 1911. Ở làng Sơn Đông, nhà thơ Nhiều Tâm dạy chữ Nho và làm nghề bốc thuốc. Cho đến cuối đời, ông vẫn giữ tiết tháo của một nhà Nho, một nhà thơ sống tao nhã, thanh bạch. Dù sống trong cảnh nước mất, làm dân nô lệ dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, nhưng ông không hề bị cám dỗ bởi vật chất.

Nhiều Tâm là nhà thơ trữ tình trào phúng, nổi tiếng vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 ở Nam Bộ. Là tác giả của nhiều bài thơ, câu văn nổi tiếng như bài “*Vịnh kiều*”, “*Bản Phú luận*”, “*Vợ Chồng*”, “*Cảm Tác*”, “*Thuyền qua sông*”, “*Vịnh Miếu Tổng Quốc công*”...

Nhà thơ Nhiều Tâm mất, được học trò và nhân dân an táng tại làng Sơn Đông. Ngày 20/12/2000, Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long ra quyết định công nhận ngôi mộ nhà thơ Nhiều Tâm là di tích Lịch sử Văn hóa cấp tỉnh; năm 2004 ngôi mộ của ông được ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trùng tu để bảo tồn lâu dài.

### **39. HỒ VĂN HÓA**

Hồ Văn Hóa (Chín Hóa), sinh năm 1910, quê quán ở làng Long Hồ, Quận Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc ấp Long Thuận B, xã Long Phước, huyện Long Hồ).

Tháng 6/1930, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1936, ông làm Bí thư Chi bộ làng Long Hồ, quận Châu Thành. Ông đã tích cực hoạt động trong phong trào đấu tranh dân chủ ở ngã tư Long Hồ; Ngày 23/11/1940, ông tham gia khởi nghĩa Nam kỳ ở ngã tư Long Hồ. Sau khởi nghĩa, ông bị Pháp bắt tra tấn dã man và giam ở khám lớn Vĩnh Long. Ông nói với bọn địch đưa về làng Long Hồ chỉ lấy súng, khi về đến làng chẳng những ông không chỉ lấy súng mà còn lớn tiếng tố cáo tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân ta. Tên sĩ quan Pháp tức giận bắn ông chết và cử lính canh gát không cho lấy xác trong nhiều ngày. Ông hy sinh ngày 30/12/1940.



Hồ Văn Hóa được công nhận cán bộ lão thành cách mạng ngày 10/9/2001.

#### **40. BÙI CHÍ HIỀN**

Bùi Chí Hiền tên thường dùng là Mười Thảo, sinh năm 1940, quê quán ở xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Năm 1969, ông là Tỉnh ủy viên chỉ đạo huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Tháng 10/1970, là Tỉnh ủy viên, Trưởng Ban cán sự vùng ven thị xã Vĩnh Long. Tháng 9/1971, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Châu Thành (Vĩnh Long).

Ông hy sinh ngày 17/4/1972 trong một trận đột kích của địch ở ấp Tân Phú, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc xã Tân Hòa, Thành phố Vĩnh Long).

#### **41. LÊ THỊ CHỨT**

Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tiêu biểu.

Mẹ Lê Thị Chứt sinh năm 1904, ở ấp Phú Thạnh, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ. Mẹ lập gia đình với ông Phạm Văn Tỉ cùng quê, sinh được 5 người con, trong đó có 4 người con anh dũng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (là liệt sĩ). Liệt sĩ Phạm Văn Gấm, sinh năm 1928, tham gia cách mạng năm 1964 (hy sinh 21/4/1967); Liệt sĩ Phạm Văn Tân, sinh năm 1932, tham gia cách mạng năm 1951 (hy sinh năm 1968); Liệt sĩ Phạm Văn Ký, sinh năm 1934, tham gia cách mạng năm 1960 (hy sinh năm 1965); Liệt sĩ Phạm Văn Bảy, sinh năm 1950, tham gia cách mạng năm 1967 (hy sinh năm 1968).

Mẹ Lê Thị Chứt mất năm 1953. Ghi nhớ công lao của mẹ, Nhà nước đã truy tặng danh hiệu cao quý “Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng” vào ngày 24/4/1995.

#### **42. NGUYỄN THỊ MẬT**

Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tiêu biểu.

Mẹ Nguyễn Thị Mật sinh năm 1910, quê quán ở Phụng Hiệp, Cần Thơ. Mẹ lập gia đình với ông Lê Văn Nghị ở xã Phú Quới, Long Hồ, Vĩnh Long. Sinh được 7 người con, trong đó có 4 người đã anh dũng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Liệt sĩ Lê Văn Tới, sinh năm 1934, tham gia cách mạng năm 1954 (hy sinh năm 1963); Liệt sĩ Lê Văn Năm, sinh năm 1936, tham gia cách mạng năm 1959 (hy sinh tháng 10/1969); Liệt sĩ Lê Văn Hùng, sinh năm 1940, tham gia du kích xã Phú Quới (hy sinh tháng 7/1969); Liệt sĩ Lê Văn Khuynh, sinh năm 1948, tham gia cách mạng 1967 (hy sinh tháng 12/1969).

Ghi nhớ công lao của mẹ Nguyễn Thị Mật, Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý “Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng” vào ngày 17/12/1994. Mẹ Nguyễn Thị Mật bệnh mất năm 1999.

#### **43. LÊ THỊ NGUYỆN**

Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tiêu biểu.

Mẹ Lê Thị Nguyễn, sinh năm 1906 ở xã Đồng Phú, huyện Long Hồ. Mẹ lập gia đình với ông Nguyễn Văn Mùi cùng quê, sinh được 6 người con, trong đó có 4 người con của mẹ đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng. Liệt sĩ Nguyễn Văn Giới, sinh năm 1932, tham gia Vệ Quốc đoàn năm 1948 (hy sinh ngày 13/5/1952); Liệt sĩ Nguyễn

Văn Ngô, sinh năm 1934, tham gia cách mạng năm 1959 (hy sinh ngày 11/02/1962); Liệt sĩ Nguyễn Văn Hóa, sinh năm 1936, tham gia cách mạng năm 1958 (hy sinh ngày 05/6/1963); Liệt sĩ Nguyễn Văn Chừng, sinh năm 1941, tham gia cách mạng 1960 (hy sinh ngày 25/6/1961).

Mẹ Lê Thị Nguyễn bệnh mất năm 1977. Ghi nhớ công mẹ, Nhà nước đã tặng thưởng Huân Chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba và truy tặng danh hiệu cao quý “Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng”, vào ngày 24/4/1995.

#### **44. NGUYỄN THỊ NHUẬN**

Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tiêu biểu.

Mẹ Nguyễn Thị Nhuận, sinh năm 1906 ở xã Thạnh Quới, Long Hồ. Mẹ lập gia đình và sinh được 8 người con (3 gái, 5 trai), trong đó có 4 người con đã anh dũng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Liệt sĩ Nguyễn Văn Ba, sinh năm 1942, tham gia du kích xã (hy sinh năm 1958); Liệt sĩ Nguyễn Văn Trị, sinh năm 1944, tham gia du kích xã năm 1958 (hy sinh năm 1968); Liệt sĩ Phan Văn Sáng, sinh năm 1946, tham gia cách mạng năm 1962 (hy sinh năm 1967); Liệt sĩ Phan Văn Ràng, sinh năm 1948, tham gia cách mạng 1968 (hy sinh năm 1973).

Ghi nhớ công lao của mẹ Nguyễn Thị Nhuận, Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý “Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng”, vào ngày 17/12/1994. Mẹ Nguyễn Thị Nhuận bệnh mất năm 1997.

#### **45. TRẦN THỊ SÀNH**

Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng tiêu biểu.

Mẹ Trần Thị Sành, sinh năm 1918, quê quán ở xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Mẹ lập gia đình với ông Trương Văn Rót ở cùng quê. Mẹ có 4 người con anh dũng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Liệt sĩ Trương Văn Hào, tham gia cách mạng năm 1962 (hy sinh ngày 15/12/1965); Liệt sĩ Trương Văn Ngài, tham gia cách mạng tháng 11/1965 (hy sinh ngày 9/11/1967); Liệt sĩ Trương Văn Hùng, sinh năm 1942, tham gia cách mạng năm tháng 01/1963 (hy sinh ngày 13/6/1969); Liệt sĩ Trương Văn Nhựt, tham gia cách mạng năm 1968 (hy sinh ngày 10 tháng 9 năm 1969).

Ghi nhớ công mẹ Trần Thị Sành, Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý “Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng”, vào ngày 17/12/1994.

Mẹ Trần Thị Sành mất năm 1996, hiện nay, mẹ được con gái Trương Thị Muu thờ phụng tại ấp Bình Hòa 2, xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ.

#### **46. LÊ VĂN CHÍNH**

Lê Văn Chính tên thường gọi là Chính Mập, sinh năm 1953 quê ở ấp Phú Hữu Yên, xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông tham gia cách mạng vào đội du kích xã năm 1969 lúc mới 16 tuổi.

Năm 1970, ông được tuyển vào đội trinh sát vũ trang thuộc Ban an ninh tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình công tác, Lê Văn Chính đã tỏ ra rất thông minh và dũng cảm. Ngày 12/01/1971 trên đường đi công tác cùng một đồng đội khác, hai ông bị lọt vào ổ phục kích của địch. Với loạt súng đầu tiên của kẻ thù, người đồng đội của ông hy

sinh tại chỗ còn ông thì bị thương, khi địch xông tới ông rút chốt lựu đạn cho nổ tại chỗ, ông anh dũng hy sinh, hai tên địch phải đền mạng và nhiều tên khác bị thương.

Lê Văn Chính được truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, ngày 03/8/1995.

## **47. LÊ VĂN LĂNG**

Lê Văn Lăng, sinh năm 1946, quê quán ở ấp 9, xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông tham gia cách mạng năm 1964, lúc vừa được 18 tuổi. Ông tham gia cách mạng từ địa phương quân huyện Tam Bình, sau được rút lên tiểu đoàn 857 của tỉnh, trong quá trình chiến đấu, ông từ một chiến sĩ lên tiểu đội trưởng trong một thời gian rất ngắn.

Trong bốn năm, ông đã cùng đơn vị tham gia chiến đấu 50 trận lớn nhỏ, trong đó có 15 trận công đồn, 5 trận tập kích, 6 trận phục kích, 16 trận phòng ngự ... Riêng ông đã tiêu diệt được 250 tên và làm bị thương 50 tên khác trong đó có 11 tên sĩ quan cấp úy và 6 tên trưởng, phó đồn ác ôn và cá nhân anh đã bắn rơi 1 trực thăng, bắn cháy 7 xe M.113, bắn chìm 3 tàu chiến, tịch thu 20 súng các loại... Trong quá trình chiến đấu ông đã 4 lần nhận danh hiệu Dũng sĩ, trong đó có 1 danh hiệu Dũng sĩ diệt xe tăng.

Ngày 07/10/1968, Lê Văn Lăng hy sinh ở Hòa Tân, Châu Thành, Đồng Tháp. Ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, ngày 06/11/1978.

## **48. PHAN VĂN SÁU**

Phan Văn Sáu tên thường gọi là Sáu Đèo, sinh năm 1937, quê quán ở ấp 9 xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Ông tham gia cách mạng năm 1960, trong 10 năm chiến đấu, ông đã tham gia và trực tiếp chiến đấu hơn 100 trận lớn nhỏ, gài “trái” thì không sao tính được và đã góp phần quan trọng trong việc bẻ gãy chiến lược bình định, phát quang, lấn chiếm vùng nông thôn ở 2 xã Hậu Lộc và Mỹ Lộc. Đồng thời, đập tan ý đồ xây dựng sân bay dã chiến tại vùng căn cứ của ta, kết quả đã diệt được 357 tên (có hai tên cố vấn Mỹ), thu 52 súng các loại, 1 máy PRC 25, phá 13 xe ủi đất...

Thành tích nổi bật của ông là sử dụng vũ khí thô sơ đánh địch ở tất cả các nơi mà chúng đến, từ gò đất cao, trảng xê, liếp rau, ruộng chuối, cần câu dính cá, ổ gà, bẫy chim..., tùy theo địa hình mà ông bố trí gài “trái” lớn hay nhỏ. Ông đã được báo cáo điển hình ở hội nghị toàn quân khu về phương pháp chống bình định lấn chiếm bằng vũ khí thô sơ và chiến thuật chiến tranh du kích.

Phan Văn Sáu hy sinh ngày 03/5/1970, trong trận chiến đấu chống càn vào ấp 4, xã Hậu Lộc. Ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, ngày 30/8/1995.

## **49. THẠCH THIA**

Thạch Thia tên thường gọi là Tư Thia, người đồng bào dân tộc Khmer, sinh năm 1948, quê quán ở ấp Tổng Hưng, xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông tham gia cách mạng năm 1962, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1969.

Thạch Thia chiến đấu rất gan dạ, mưu mẹo và dũng cảm luôn được đồng đội yêu thương và quý trọng, đồng bào mến phục. Năm 1963, có lần một mình ông đột nhập

vào đồn Tổng Hưng giữa ban ngày để diệt tên trung đội trưởng ác ôn ở đồn này, cũng trong năm 1963, một mình ông chặn đánh một đại đội địch trên đồng “Cây Kè” diệt một tên làm bị thương hai tên. Năm 1964, ông tham gia chống càn bảy lần diệt được năm tên, bắn máy bay 15 lần, xạ kích diệt được hai và làm bị thương ba tên. Vào năm 1970, có lần tổ của Thạch Thia đi công tác, khi chạm địch, ông dũng cảm chiến đấu bẻ gãy 3 đợt tấn công của địch, diệt bốn tên làm bị thương ba tên. Trải qua 11 năm chiến đấu, Thạch Thia đã tham gia hàng trăm trận đánh, riêng ông đã bắt 98 tên kẻ thù đê tiện, tịch thu 25 súng các loại. Ngày 27/7/1972, trên đường đi công tác ở ấp Tổng Hưng, xã Loan Mỹ, địch đã cướp đi sinh mạng của ông trong niềm tiếc thương của đồng đội và đồng bào.

Thạch Thia được Nhà nước truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, ngày 06/11/1978.

## **50. TRỊNH MINH THẾ**

Trịnh Minh Thế, tên thường dùng là Sáu Quang, sinh năm 1941, quê ở ấp Bình Quý, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông tham gia cách mạng tháng 02/1961. Ông là tiểu đội phó của một tiểu đội bảo vệ Tỉnh ủy, vào ngày 23/9/1964, khi Tỉnh ủy đang họp thì địch bất ngờ mở trận càn cấp trung đoàn vào địa điểm hội nghị. Với trách nhiệm của mình, ông đã đưa các đồng chí Tỉnh ủy đến nơi an toàn. Trong quá trình làm nhiệm vụ bám địch, theo dõi sát trận càn ông đã lọt vào ổ phục kích của địch và bị chúng bắt sống. Khi bắt được chiến sĩ của ta, bọn địch vô cùng hí hứng chúng cho rằng thành tích lớn nhất của trận càn sẽ lập được khi điều tra tên Việt cộng này. Nhưng chúng đã hoàn toàn thất bại khi ông đã vượt qua tất cả từ dụ dỗ, mua chuộc cho đến tra tấn dã man của kẻ thù; dù chết đi sống lại nhiều lần ông vẫn không hề khai báo một điều gì, cho dù ông biết rõ địa điểm từng căn hầm của các đồng chí Tỉnh ủy.

Dụ dỗ, mua chuộc không được, tra tấn cũng không khai thác được gì, ngược lại còn bị ông chửi vào mặt. Cuối cùng, bọn địch đã cột cổ ông kéo sau tàu chiến từ rạch Bà Khao đến Cái Tàu Hạ và ngược lại. Với hành động “man rợ” ấy chúng đã cướp đi mạng sống của ông.

Trịnh Minh Thế hy sinh ngày 23/9/1964. Ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, ngày 03/8/1995.

## **51. VÕ VĂN TỔNG**

Liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang

Võ Văn Tổng sinh năm 1949, tại ấp Mỹ Trung 2, xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Cha Võ Văn Nhân, mẹ Phạm Thị Dẽ, thuộc gia đình nông dân nghèo.

Gia đình vốn có truyền thống cách mạng, mới 17 tuổi ông tham gia lực lượng vũ trang địa phương quận Tam Bình. Với địa bàn đồng bằng trũng trải, cùng với đồng đội bám trụ, dựa vào dân đánh địch càn quét lấn chiếm nhằm bình định tạt dân của địch trong 3 năm 1968-1970. Ông đã chỉ huy tác chiến 20 trận công đồn, diệt nhiều sinh lực địch cấp tiểu đội, trung đội địch, thu trên 200 súng các loại, bảo vệ sinh mạng và tài sản đồng bào, mở rộng vùng giải phóng. Từ một chiến sĩ ham học hỏi kỹ, chiến thuật, vừa gan dạ chiến đấu, từng giữ các chức vụ Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Đại đội phó địa phương quân huyện Tam Bình.

Tháng 5/1970, ông được phân công làm mũi phó tấn công đồn An Hòa (xã Bình Ninh, Tam Bình), đây là loại đồn kiên cố kiểu Mã Lai phải dùng hỏa lực mạnh tiêu diệt, trong khi phương tiện vũ khí ta rất hạn chế. Khi tấn công, mũi trưởng bị thương, ông thay mũi trưởng anh dũng xông lên, mưu trí diệt ổ đề kháng của địch, phối hợp với hai mũi bạn tiêu diệt toàn bộ địch, thu toàn bộ vũ khí.

Tháng 8/1970, trong lúc địch liên tục càn quét đóng đồn lấn chiếm, ông được giao nhiệm vụ diệt đồn Bờ Trúc (thuộc khu trù mật Cái Sơn). Trong trận này, do điều nghiên chính xác, chỉ một tiểu đội do ông chỉ huy đã diệt gọn trung đội bảo an địch, thu nhiều súng đạn địch để trang bị lại cho ta. Sau đó địch bung ra càn quét, tiểu đội ông anh dũng chống càn, bẻ gãy ý đồ bình định lấn chiếm của địch.

Tháng 9/1970, trong trận tấn công đồn Hóa Thành (xã Đông Thành, thuộc huyện Bình Minh), suốt một giờ tấn công, hàng chục cán bộ của ta anh dũng hy sinh và bị thương. Khi trời bắt đầu sáng, lực lượng địch chi viện dùng hỏa lực đánh xối xả, trong khi Huyện đội trưởng bị thương, ông đã mưu trí nghi binh ngoài đồng để địch tập trung, trong khi đó lợi dụng địa hình, phía sau dùng hỏa lực đánh bất ngờ, đánh cấp tập vào các ổ đề kháng địch, nhanh chóng làm chủ trận địa, đưa đồng đội hy sinh và bị thương về căn cứ.

Tháng 5/1971, đồn Thủ Chi, xã Mỹ Lộc (Tam Bình) địch xây dựng kiểu Mã Lai, do một tiểu đội địch rất gian ác đóng giữ, bên ngoài chúng rào nhiều chặng rào kẽm gai, bố trí mìn dày đặc. Võ Văn Tổng xung phong lãnh trách nhiệm trừng trị bọn địch để mở thế kìm kẹp cho đồng bào. Giữa trận đánh ông bị thương nặng ở chân, nhưng ông vẫn giấu đồng đội xông lên làm chủ trận địa, do vết thương quá nặng, kiệt sức, ông đã anh dũng hy sinh.

Võ Văn Tổng được đồng đội tin yêu, phong tặng danh hiệu “Ra quân là lập công, đánh đồn giành thắng lợi”. Là cán bộ đại đội phó trẻ dũng cảm mưu trí, chỉ huy đánh đầu thắng đó, hết lòng chăm lo xây dựng lực lượng, thương yêu đồng đội, đồng bào.

Ông đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu “Anh Hùng lực lượng vũ trang dân nhân”.

## **52. LÊ VĂN TIỂU (BẢY TIỂU)**

Lê Văn Tiểu sinh năm 1943 tại ấp Phú Đông, xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông xuất thân trong một gia đình có truyền thống cách mạng, cha tham gia chống Pháp, hai anh ruột cũng tham gia cách mạng; anh thứ năm tên Lê Văn Trực hy sinh năm 1971, anh thứ sáu là Lê Văn Biện bị địch bắt đày ra Côn đảo đến ngày giải phóng (hiện nay đã nghỉ hưu).

Với lòng căm thù giặc sâu sắc, ông tự nguyện tham gia cách mạng lúc vừa tròn 16 tuổi. Tuy còn trong lứa tuổi thiếu niên, nhưng Lê Văn Tiểu đã đóng góp hết sức mình cho công cuộc chống Mỹ cứu nước, được tổ chức giao nhiệm vụ đắp mô, đào hầm bí mật, vót chông và phá lộ để ngăn cản bước tiến công của địch.

Tháng 8/1964, sư đoàn 9 của ngụy từ phía Cái Tàu, thị xã Sa Đéc tiến đánh vào căn cứ của ta. Khi đến ấp Phú Đông, chúng bắt nhiều người dân, trong đó có Lê Văn Tiểu. Chúng bắt ông chống xuống cho chúng đi đánh phá lực lượng ta. Khi đi đến kinh Giao Thông của ấp Phú Đông thì bị lực lượng ta chống càn. Do chênh lệch về quân số và vũ khí trang bị nên nhiều đồng chí của ta đã anh dũng hy sinh, trong đó có đồng chí Cư xã đội trưởng; chúng cũng đã bắt sống đồng chí Ba Trắng đem đến bờ kinh Trâm Bàu mổ bụng sống. Lúc này, Lê Văn Tiểu đã dùng sào chống xuống đập túi bụi vào đầu

bọn địch đang mổ bụng đồng chí Ba Trắng làm 1 tên ngất xỉu, cuối cùng chúng đã bắt ông mổ bụng sống và chặt đầu ông dồn vào bụng, tàn ác hơn, chúng đã moi lấy tim, gan ông và để xác lại, sau khi địch rút quân, du kích ta đã đem ông về căn cứ làm lễ truy điệu.

Lê Văn Tiểu anh dũng hy sinh vào lúc 11 giờ ngày 24/8/1964, để lại 1 người vợ và 1 con gái mới vừa tròn 6 tháng tuổi, để lại cho đồng đội, đồng bào một niềm tiếc thương vô hạn, ông xứng đáng là một tấm gương sáng ngời, bộc lộ bản chất anh hùng với tinh thần chiến đấu dũng cảm của người chiến sĩ cách mạng cho đến lúc hy sinh.

Với thành tích trên, Lê Văn Tiểu được Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương kháng chiến hạng Ba; truy tặng cho anh danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” ngày 11/6/1999.

### **53. TRẦN BỘI CƠ**

Trần Bội Cơ sinh năm 1932, tại Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long trong một gia đình tiến bộ. Thuở nhỏ, Trần Bội Cơ theo học bậc tiểu học tại thị xã Vĩnh Long, nhà bên ngoài của bà chính là trạm giao liên của Công an xung phong Vĩnh Long và Trần Bội Cơ từng là một cô bé tham gia giao liên tốt của cách mạng.

Năm 1947, học xong bậc tiểu học, Trần Bội Cơ chuyển lên Chợ Lớn học bậc trung học ở trường Phước Kiến (nay là trường Trần Bội Cơ). Bà bắt đầu hoạt động cách mạng từ năm 1949, tham gia phong trào đấu tranh chống đế quốc, thực dân. Sự kiện ngày 9/1/1950, trở thành ngày học sinh, sinh viên toàn quốc đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh của học sinh thành phố và học sinh trường Phước Kiến. Lúc bấy giờ, Trần Bội Cơ là nữ sinh lớp đệ tứ (nay là lớp 9), bà đã chỉ đạo cuộc đấu tranh của học sinh toàn trường bãi khóa đòi trả tự do cho 10 học sinh bị bắt. Vào ngày 4/5/1950, bọn cảnh sát ra lệnh đóng cửa trường. Ngày 6/5/1950, dưới sự điều động của Trần Bội Cơ và một số học sinh tiến bộ, đông đảo học sinh kéo vào trường mở cuộc họp cấp tốc đòi mở cửa trường, mở lại ký túc xá cho học sinh đi học lại. Bọn cảnh sát đã thẳng tay đàn áp, đánh đập học sinh rất dã man, chúng bắt hơn 100 học sinh của trường. Trần Bội Cơ bị chúng bắt giam vào khám và bị tra tấn man rợ suốt 5 ngày đêm liền. Bà đã giữ vững khí tiết anh hùng của tuổi trẻ, luôn khẳng định việc làm của tập thể học sinh trường Phước Kiến là chính đáng. Ngày 12/5/1950, bà bị kiệt sức trước những đòn tra tấn hiểm ác của địch, bà đã hướng về phòng giam của bè bạn hô lớn những lời tâm huyết sau cùng “CÁC BẠN, HÃY ĐỨNG LÊN!” rồi ra đi vĩnh viễn giữa tuổi thanh xuân vừa tròn 18 tuổi.

Trần Bội Cơ được Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa công nhận là liệt sĩ ngày 9/7/1950, Huân chương kháng chiến hạng Nhì truy tặng cho nữ liệt sĩ Trần Bội Cơ do Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký ngày 2/9/1950. Danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, Chủ tịch nước Trần Đức Lương ký quyết định số 94KT/CTN ngày 22/3/2000.

Nhân dân Sài Gòn Chợ Lớn đã truyền cho nhau bài hát “Hãy đứng lên! Trần Bội Cơ. Tinh thần của chị kêu gọi mãi chúng tôi”. Bà đã nằm yên giữa nắm mộ hoa, thi hài của bà đã được áp ủ trong cánh hoa tháng năm thơm ngát của đồng bào thành phố. Tên “Trần Bội Cơ” mãi mãi gắn liền với ngôi trường Phước Kiến đã từng ghi dấu tuổi thanh xuân của người nữ chiến sĩ cách mạng kiên cường.

## 54. NGÔ TÙNG CHÂU

Ngày 26/02/1949, các Tiểu đoàn 307, 308 và các đại đội Trung đoàn 111 chủ lực của ta về xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình tổ chức liên hoan Tết với đồng bào và chuẩn bị xuất quân. Đến 16 giờ, trong khi chờ đại biểu và nhân dân đến dự thì địch cho máy bay khu trục đến ném bom vào khu vực đóng quân, đã dự phòng từ trước, dân chúng và bộ đội ta tạm lánh vào những nơi trú ẩn an toàn. Biết rõ tương quan lực lượng giữa ta và địch và cũng để tránh thiệt hại cho dân, Ban chỉ huy ra lệnh “thếp” cả đoàn phải ém kín quân, giữ nguyên vị trí dù bị tấn công hay bị hy sinh vẫn không bắn trả. Sau hai đợt oanh kích nhưng không gây được thiệt hại gì đáng kể cho bộ đội và nhân dân ta, đội hình máy bay địch đã bỏ đi. Một lúc sau một chiếc máy bay trinh sát L19 xuất hiện trên bầu trời bay lượn để quan sát, ngay lúc đó một tiểu đội trưởng của tiểu đoàn 308 là Ngô Tùng Châu chộp lấy khẩu FM đầu bạc của một chiến sĩ. Ông bám sát vào gốc dừa lấy mục tiêu, sau mấy lần đón hụt, đến lần thứ tư chiếc L19 rà thấp vào đúng đường ngắm, Ngô Tùng Châu nghiêng răng siết mạnh cò súng, chiếc trinh sát “ăn đạn”. Một làn khói đen ngòm toả dài về phía sau, ngược hướng chiếc máy bay đang lác lác, lảo đảo, bốc cháy và cắm đầu chúi xuống chợ Tam Bình cùng với hai sĩ quan Pháp. Đây là chiếc máy bay bị bắn rơi đầu tiên ở Vĩnh Long trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và cũng là chiến công đầu tiên làm cho buổi lễ xuất quân của bộ đội ta mừng Tết Nguyên Đán càng thêm tung bừng náo nhiệt.

Để ghi lại chiến công này, nhằm giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ hiện tại và cả mai sau, huyện Tam Bình đầu tư xây dựng công viên tượng đài Ngô Tùng Châu tại Trung Tâm Văn hóa huyện, công trình được khánh thành vào ngày 12/01/2012.

## 55. PHAN VĂN HÒA

Phan Văn Hoà (còn gọi là ông Mười hoặc ông Ba), sinh năm 1894, tại làng Phú Lộc Đông, quận Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc ấp 3, xã Phú Lộc, huyện Tam Bình).

Ông là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 và là một trong những đảng viên đầu tiên của huyện Tam Bình. Năm 1931, bằng vào nhiều nguồn quyền góp và tài sản riêng của gia đình, ông đã đứng ra lập tiệm tạp hoá Nam Hiệp Thành tại chợ Cái Ngang. Đây chính là địa điểm liên lạc, tổ chức cơ sở bí mật, là địa điểm in ấn tài liệu tuyên truyền của Đảng. Đến năm 1933, tiệm phải đóng cửa vì địch đã nghi ngờ, lúc này ông đã là Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Tam Bình. Tuy nhiên, trước tình hình địch ráo riết khủng bố, đàn áp khốc liệt, nhiều chiến sĩ ta bị bắt thủ tiêu hoặc tù đày, phong trào tạm lắng xuống, cùng với những đảng viên trung kiên khác, Phan Văn Hòa đã phải tạm lánh vào một thánh thất Cao Đài ở huyện Vũng Liêm một thời gian.

Trong những năm 1936-1939, Mặt trận bình dân ở Pháp ra đời, tình hình thế giới đã mở ra xu thế có lợi cho cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Đông Dương cũng được công khai hoạt động. Lúc này, nhà của Phan Văn Hòa trở thành trụ sở của cơ quan cách mạng, tại đây ông đã lãnh đạo đồng bào đòi dân sinh, dân chủ, giảm tô, miễn thuế do thất mùa vì lũ lụt. Trước sức mạnh phản kháng của hơn 2.000 quần chúng, tên quận trưởng Tam Bình phải nhượng bộ và chấp nhận yêu sách của bà con. Năm 1937, ông đã tổ chức ra Hội Phụ nữ tương trợ liên xã ở huyện Tam Bình nhằm mục đích đẩy mạnh cao trào đấu tranh chính trị tiếp theo. Ngày 10/9/1939, Phan Văn Hòa đã bị địch bắt đày ra Côn Đảo, vì sự tra tấn, đày đoạ độc ác của kẻ thù, ngày 23/12/1942, ông đã vĩnh viễn nằm xuống cùng đồng đội, đồng chí tại nghĩa trang Hàng Dương, Côn Đảo.

## **56. SỰ KIỆN 30 THÁNG 4**

Ngày 26/4/1975, với 5 cánh quân, ta đã bao vây và nổ súng tấn công Sài Gòn. Ngày 29/4/1975, quân ta tổng công kích trên các mặt trận. 10h 45 phút ngày 30/4/1975, các đơn vị của Quân đoàn II tiến thẳng vào Dinh Độc Lập bắt sống toàn bộ chính quyền Trung ương Sài Gòn. 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

## **57. SỰ KIỆN 01 THÁNG 5**

Ngày Quốc tế Lao động, ngày lễ của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới cùng nhau đoàn kết, chiến đấu. Vào những năm 80 thế kỷ XIX, Chủ nghĩa tư bản phát triển kéo theo sự phát triển của giai cấp vô sản, họ bị bóc lột và áp bức tàn tệ, ngày làm việc từ 12 - 16 giờ. Ngày 1/5/1886 tại Mỹ, hơn 30 vạn công nhân ở Thành phố Chicago và một số thành phố khác đã rầm rộ bãi công và biểu tình thị uy, buộc các nhà tư bản phải đáp ứng một phần yêu sách của công nhân trong đó có yêu sách đòi thực hiện chế độ ngày làm việc 8 giờ. Cuộc đấu tranh đã giành được thắng lợi. Cuộc đấu tranh của công nhân Mỹ đã được sự ủng hộ của công nhân các nước trên thế giới.

Tháng 7/1889 tại Đại hội thành lập Quốc tế thứ hai ở Pari đã thông qua Nghị quyết: Ngày 1/5/1890 những người lao động trên toàn thế giới sẽ tổ chức các cuộc mítting và lấy ngày đó làm ngày kỷ niệm hàng năm. Từ đó ngày 1/5 trở thành “Ngày Quốc tế Lao động”.

## **58. SỰ KIỆN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM**

Ngày 13/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, nhận định thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền đã tới, những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương đã chín muồi. Ủy ban khởi nghĩa gửi quân lệnh số 1 cho đồng bào và cho chiến sĩ cả nước ngay trong đêm ấy.

Ngày 16/8/1945, đại hội họp ở Tân Trào đã thông qua “10 Chính sách lớn của Việt Minh”, thông qua “lệnh tổng khởi nghĩa” quyết định Quốc Kỳ nền đỏ, sao vàng, chọn bài tiến quân ca làm Quốc ca và bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng Trung Ương, tức chính phủ lâm thời do đồng chí Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Ngay sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn thể đồng bào ta hãy đứng dậy đem sức ta mà giải phóng cho ta”. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 20 triệu nhân dân ta từ Bắc đến Nam đã tiến hành Cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng tám thành công. Từ ngày 14 đến 18, tổng khởi nghĩa giành được thắng lợi ở nông thôn đồng bằng miền Bắc, đại bộ phận miền Trung, một phần miền Nam và các thị xã Bắc Giang, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Hội An.

Sáng ngày 19/8, theo lời kêu gọi của Việt Minh, cả Hà Nội vùng dậy dưới rừng cờ đỏ sao vàng xuống đường tiến thẳng về Nhà hát thành phố để dự mítting. Sau loạt súng chào cờ và bài Tiến Quân Ca, đại biểu Ủy ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu của Việt Minh. Cuộc mítting trở thành cuộc biểu tình vũ trang tiến vào chiếm phủ khâm sứ, trại lính bảo an và các cơ sở của chính phủ bù nhìn. Từ Hà Nội, làn sóng cách mạng toả đi khắp nơi, cả nước vùng dậy đấu tranh giành chính quyền và liên tiếp giành thắng lợi.

Thắng lợi của Cách Mạng Tháng Tám năm 1945 dẫn tới việc khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có ý nghĩa to lớn đối với dân tộc ta và có ý nghĩa quốc tế sâu



sắc. Cách Mạng Tháng Tám là một trong những trang sử vẻ vang nhất, chói lọi nhất của lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

## **59. SỰ KIỆN MẬU THÂN**

Tại Hội nghị tháng 10/1967, Đảng ta chủ trương tổng công kích và tổng khởi nghĩa. Bộ Chính trị quyết định thời gian bắt đầu mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy vào dịp Tết Mậu Thân 1968. Ngày 21/01/1968, đúng vào giờ giao thừa Tết Mậu Thân là thời điểm mở màn cuộc tổng tấn công. Chiến trường chính là Sài Gòn, Nam bộ, Trị - Thiên - Huế, trọng điểm là Sài Gòn, Huế và các thành phố lớn. Đây là một đòn quyết liệt giáng vào ý chí xâm lược của Mỹ. Chiến thắng của quân và dân ta trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là sự kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta; làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ”, góp phần chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, buộc đế quốc Mỹ phải chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pa-ri về việc lập lại hòa bình tại Việt Nam.

## **60. LÊ VĂN ĐẬM**

Liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang Lê Văn Đạm (tên thường dùng Sáu Mực), sinh năm 1933 quê quán xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm. Ông tham gia cách mạng ngày 30/01/1953, là một trong những cán bộ cách mạng gương mẫu, tiêu biểu trong thời kỳ chống Mỹ, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang huyện nhà ngày càng lớn mạnh, là người chỉ huy dũng cảm, mưu trí đã trực tiếp tham gia đánh địch hàng trăm trận lớn nhỏ tiêu diệt hơn 400 tên địch, thu hàng trăm súng các loại và rất nhiều đạn dược.

Năm 1968-1969, ông làm Bí thư Huyện ủy Vũng Liêm trực tiếp lãnh đạo cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân Mậu Thân 1968 giành được nhiều thắng lợi, làm cho quân thù khiếp sợ. Sau đó, ông được rút về tỉnh giữ nhiệm vụ Trưởng Ban Binh vận, Tỉnh ủy viên, Tỉnh đội phó, rồi Thường vụ Tỉnh ủy, Chính trị viên Tỉnh đội Vĩnh Long.

Ông hy sinh ngày 21/12/1973. Trong quá trình tham gia cách mạng, Lê Văn Đạm được tặng thưởng 01 Huân chương độc lập hạng II, 01 Huân chương chiến công hạng III, 03 Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì; Được Đảng, Nhà nước truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, vào năm 2015.

## **61. PHAN THỊ XUÂN HOA**

Phan Thị Xuân Hoa (1929- 7/1989), quê quán ở xã Đức Trung, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, tên thường dùng là Hai Thanh. Bà được kết nạp vào Đảng vào ngày 12/7/1947.

Phan Thị Xuân Hoa, giữ chức vụ Bí thư Thị ủy, giai đoạn từ tháng 5/1964 - 6/1967.

## **62. TRẦN VĂN MƯỜI MỘT**

Trần Văn Mười Một (15/5/1930 - 02/6/2008), tên thường dùng là Lê Minh, Năm Lê Minh bí danh Năm Chỉ, nơi sinh ở xã Tân Hạnh, Huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 19/8/1945 đến năm 1946, ông làm giao liên xã Đoàn trưởng Thiếu nhi xã Tân Hạnh; Từ năm 1947 đến 1950, ông đảm nhiệm chức vụ Ủy viên thư ký BCH TNCQ Huyện Cái Ngang; Năm 1951 đến năm 1955, Huyện ủy phân công ông về làm Bí thư xã Tân Hạnh; Năm 1956, Huyện ủy điều ông đi thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và mốc nổi

với Đảng ủy tại đó và được phân công vào làm thư ký BCH liên hiệp nghiệp đoàn tỉnh Bạc Liêu. Cuối năm 1956 đến những tháng đầu năm 1960, ông được Tỉnh ủy Vĩnh Long rút về đưa vào bộ đội tình, chức vụ Chính trị viên đại đội, Bí thư chi bộ C256/D857 địa phương quân tỉnh Vĩnh Long; Tháng 5/1960 đến năm 1961, ông tác chiến và bị trọng thương ở Đồng Đế, xã Đông Thành (Bình Minh), đi nằm viện ở Khu 9 điều trị một năm; Từ năm 1961 đến năm 1962, ông đảm nhận chức vụ Phó rồi Trưởng Ban Thanh vận Tỉnh ủy Vĩnh Long; Năm 1963 đến năm 1965, Tỉnh ủy tiếp tục phân công ông về Huyện ủy Sa Đéc, chức vụ lúc bấy giờ là Chính trị viên Huyện đội Sa Đéc; Năm 1965, ông làm Bí thư Huyện ủy Sa Đéc và được đề bạt Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Vĩnh Long; Năm 1966, ông về làm chủ nhiệm Ban chính trị tỉnh Đội Vĩnh Long (Tỉnh ủy viên); Năm 1967 đến năm 1969, Huyện Sa Đéc và Huyện Châu Thành sáp nhập, Tỉnh ủy phân công ông làm Bí thư Huyện ủy Châu Thành; Năm 1970, ông về làm Trưởng Ban Bình vận tỉnh; Tháng 6/1970 đến tháng 7/1977, Tỉnh ủy điều ông về làm Bí thư thị xã Vĩnh Long. Ông được đề bạt làm Ủy viên Thường trực Tỉnh ủy vào tháng 1/1972. Sau ngày 30/4/1975, ông vừa làm Bí thư thị xã ủy vừa làm Chủ tịch Ủy ban Quân quản thị xã Vĩnh Long; Từ tháng 8/1977 đến tháng 7/1978, Đại hội I tỉnh Đảng bộ, ông đắc cử Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, được phân công về làm Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Tháng 8/1978 đến năm 1980, Đại hội tỉnh Đảng bộ lần II, ông đắc cử Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy và được phân công về làm Bí thư thị xã Vĩnh Long; Năm 1981 đến 1982, ông trở về làm Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, kiêm nhiệm Thường trực cho tỉnh (thay thế đồng chí Sáu Úc làm trưởng đoàn chuyên gia ở Kompongspue - Campuchia); Tháng 6/1983 đến tháng 1/1989, ông về làm Bí thư thị xã Vĩnh Long (Đại hội IV tỉnh đảng bộ, ông đắc cử lại Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy); Tháng 1/1989 đến tháng 4/1992, ông đảm nhận chức vụ Trưởng Ban chỉ đạo của tỉnh Vĩnh Long về các thị xã, thị trấn (UVTV TU); Từ tháng 5/1992 đến năm 1995, chia tỉnh, ông rút khỏi Tỉnh ủy, chỉ làm chuyên viên cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long; Năm 1996 đến tháng 4/1997, ông tiếp tục làm chuyên viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long.

Tháng 5/1997 đến năm 2008, ông sinh hoạt chi bộ TQH Đảng bộ xã Trường An. Ông từ trần vào ngày 02/6/2008.

### **63. NGUYỄN VĂN BANG**

Nguyễn Văn Bang (1930 - 2010), quê quán ấp Phước Thới, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Tháng 9/1950, ông tham gia du kích xã; tháng 11/1953, ông tham gia địa phương quân huyện; Ngày 24/4/1959, ông bị địch bắt, đến tháng 2/1961 ông được thả tự do.

Năm 1963 - 1968 ông giữ các chức vụ: Trưởng Ban An ninh xã Mỹ An, Trưởng Công an huyện, Huyện ủy viên, Bí thư Huyện ủy Cái Nhum. Tháng 6/1961, là Tỉnh ủy viên, Phó Ban An ninh tỉnh, Bí thư Huyện ủy Châu thành, tỉnh Vĩnh Long. Tháng 2/1975, là Trưởng Ban An ninh tỉnh Vĩnh Long. Tháng 2/1976, là Tỉnh ủy viên, Phó ty Công an tỉnh Cửu Long, Đại biểu Hội đồng nhân dân khóa II và III. Tháng 2/1981 - 3/1989, ông là Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công an tỉnh Cửu Long. Tháng 11/1980, là Quyền Giám đốc Công an tỉnh Vĩnh Long. Tháng 5/1992, là Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Công an tỉnh.

Ông nghỉ hưu ngày 01/10/1995; Ông từ trần ngày 03/4/2010.

## 64. TRẦN THÁI BỬU

Trần Thái Bửu (1925-1971), tên thật là Trần Văn Trầm, khi hoạt động cách mạng đổi tên thành Trần Thái Bửu, Trần Văn Thái, nhưng anh em, bạn bè của ông quen gọi ông bằng cái tên thân thương, trìu mến đi kèm với thứ - Ba Thái. Ông là con cả trong gia đình có sáu anh em thì có đến năm người tham gia kháng chiến và ba người đã hy sinh, trong đó có ông. Ông xuất thân trong gia đình nông dân nghèo ở xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Ông sống dưới chế độ thực dân phong kiến cho nên gia đình ông cũng như bao gia đình nông dân khác rất vất vả, cơ cực. Vì ông là con cả nên được ba mẹ cho đi học để dẫn dắt đàn em, nhưng ông chỉ học đến lớp Nhứt (lớp năm bây giờ) thì nghỉ ở nhà phụ giúp gia đình.

Sống dưới hai tầng lớp áp bức bóc lột của địa chủ và thực dân nên ông ý thức được nỗi khổ nhục của nhân dân cho nên ông sớm bắt gặp tư tưởng yêu nước của những người cộng sản được truyền đến vùng quê của ông. Năm 18 tuổi, ông bắt đầu tham gia công tác ở địa phương. Năm 1945, ông gia nhập lực lượng thanh niên Tiền phong và tham gia cướp chính quyền ở xã An Khánh quê ông. Từ đó cho đến lúc hy sinh, ông liên tục công tác và giữ chức vụ quan trọng ở địa phương cũng như ở huyện, tỉnh. Năm 1946 – 1949, ông là Thư ký UBKCHC xã An Khánh rồi Trưởng ban tài chánh xã An Khánh. Năm 1950, ông là Bí thư chi bộ xã An Khánh; tháng 3/1961-5/1961, là Bí thư Huyện ủy Chợ Lách. Năm 1969, là Thường vụ Huyện ủy Châu Thành. Năm 1971, Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long, Trưởng Ban Tuyên huấn tỉnh, rồi phụ trách tài chánh. Ngày 19/8/1971 trong cuộc họp Thường vụ Tỉnh ủy ở Mỹ Hòa, Bình Minh, bị gián điệp chỉ điểm, địch đưa quân bao vây phát hiện hầm bí mật, ông cùng hai đồng chí Trịnh Thành Long (Bảy Hoàng), và Nguyễn Văn Phán (Sáu Hiếu) chiến đấu và đã anh dũng hy sinh.

Ông được công nhận là liệt sĩ.

## 65. DIỆP NGỌC CÔN

Diệp Ngọc Côn (1910-1982), tại làng Long Hồ, quận Châu Thành (nay là ấp Long Thuận A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long). Ông là con của một nhà Nho là thầy thuộc Diệp Minh Trí, con thứ hai trong gia đình, thuở nhỏ được đi học trường làng, trường tỉnh, sau đó học trường College de Mỹ Tho (sau ông Phạm Hùng hai lớp). Sau đó ông học trường tư Huỳnh Khương Ninh ở Sài Gòn; ông tham gia chống Pháp đòi dân sinh, dân chủ. Ông mở sạp bán sách báo tại đường Charner, nay là đường Nguyễn Huệ, TP. Hồ Chí Minh để có kinh phí hoạt động và làm điểm liên hệ móc nối hoạt động thanh niên.

Năm 1941, ông về Vĩnh Long dạy học trường Trung Thành do ông Phan Văn Sử làm Hiệu trưởng. Tại đây, ông vừa dạy học vừa tham gia tổ chức tiền phong, mở hiệu sách Long Hồ bán sách báo vừa có dịp tuyên truyền tập hợp thanh niên chống Pháp. Nhật đảo Chánh Pháp ngày 09/3/1945 ông Nguyễn Văn Thiệt, Nguyễn Hữu Thế, Phan Văn Sử thoát ngục từ Bà Rá (Đồng Nai) về thị xã Vĩnh Long hoạt động. Diệp Ngọc Côn được Nguyễn Văn Thiệt kết nạp vào Đảng và thành lập chi bộ đặc biệt ở thị xã Vĩnh Long gồm 05 người, ngoài các ông trên có thêm ông Khuất Duy Tri. Chi bộ do Nguyễn Văn Thiệt là Bí thư chi bộ, tích cực hoạt động tập hợp lực lượng vào tổ chức, tích cực tuyên truyền thời cơ thuận lợi, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Cách mạng tháng Tám bùng nổ, Chi bộ lãnh đạo giành chính quyền ở thị xã Vĩnh Long thắng lợi. Khi Tỉnh ủy Vĩnh Long được thành lập tháng 10/1945, ông là Tỉnh ủy viên phụ trách công tác thông tin tuyên truyền, Phó Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Vĩnh

Long, sau đó được phân công ra Bắc chở vũ khí vào Nam. Đầu năm 1946, ông làm Bí thư Huyện ủy Vũng Liêm. Năm 1951, sáp nhập hai tỉnh Vĩnh Long - Trà Vinh thành tỉnh Vĩnh Trà, ông được phân công làm công tác thông tin tuyên truyền. Sau năm 1954, ông được phân công ở lại miền Nam, làm Bí thư thị xã ủy Vĩnh Long.

Từ 1956, ông bị địch bắt tại thị xã Vĩnh Long và đánh đập tàn nhẫn. Tại nhà tù thị xã Vĩnh Long ông đấu tranh giữ khí tiết; thành lập Chi bộ nhà tù do ông làm Bí thư, tuyên truyền chống lại tội ác của địch, viết truyền đơn sẵn, khi trên đường chở ra tòa ông tranh thủ rải truyền đơn. Trong khi xử án, ông mạnh dạn lên án tố cáo tội ác đế quốc. Ông tổ chức đấu tranh trong nhà tù hết đợt này tới đợt khác, thường xuyên học văn hóa, đấu tranh cải thiện đời sống lao tù. Riêng ông tại phiên tòa đã hô to “đả đảo luật 10.59, đả đảo đế quốc Mỹ” làm cho kẻ thù bị bất ngờ nên đối phó không kịp.

Ra tù ông công tác binh vận ở Quân khu 9 đến sau ngày giải phóng, tháng 12/1975 ông được chính sách nghỉ hưu, sống ở thị xã Vĩnh Long, ông mất ngày 17/3/1982.

Diệp Ngọc Côn được công nhận là thành cách mạng.

## **66. NGUYỄN NGỌC SƯƠNG**

Nguyễn Trung Kiên tên thật là Nguyễn Ngọc Sương, thường gọi Chín Kiên, sinh năm 1919, tại xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Ông tham gia cách mạng từ tháng 8/1945.

Từ tháng 8/1945 đến tháng 4/1946, ông là Ủy viên Ủy ban Nhân dân xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm. Tháng 5/1946 đến tháng 8/1946, ông hoạt động và gây dựng cơ sở cách mạng ở xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm. Từ tháng 9/1946 đến tháng 12/1946, ông là nhân viên Văn phòng Ủy ban Mặt trận Việt Minh tỉnh Vĩnh Long. Từ tháng 12/1946 đến tháng 12/1947, ông là Ủy viên Ban Tuyên huấn Mặt trận Việt Minh huyện Vũng Liêm. Từ tháng 5/1947 đến tháng 12/1950, là Phó Bí thư Huyện ủy Vũng Liêm, Ủy viên Mặt trận Việt Minh huyện Vũng Liêm. Từ tháng 12/1950 đến tháng 12/1952, ông là Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Vũng Liêm, Bí thư Chi bộ xã Tân An Luông và Trung Hiệp (huyện Vũng Liêm). Từ tháng 1/1953 đến tháng 10/1954, là Bí thư Huyện ủy Cái Nhum. Từ tháng 11/1954 đến tháng 12/1955, là Bí thư Huyện ủy Vũng Liêm. Từ tháng 12/1955 đến tháng 8/1956, là cán bộ Tôn giáo vận của Tỉnh ủy Vĩnh Long. Từ tháng 9/1956 đến tháng 10/1958 chánh Văn phòng Tỉnh ủy Vĩnh Long. Từ tháng 10/1958 đến tháng 12/1960, Bí thư Huyện ủy Chợ Lách. Từ tháng 12/1960 đến tháng 12/1962, ông được điều về làm Ủy viên Ban Tuyên huấn tỉnh Vĩnh Long. Từ tháng 12/1962 đến tháng 01/1972, ông được đề bạt Phó trưởng Ban Tuyên huấn tỉnh Vĩnh Long. Từ ngày 23/11/1972 đến ngày 06/12/1975, là Ủy viên Ban Tuyên huấn Khu Tây Nam Bộ. Từ ngày 07/12/1975 đến ngày 30/9/1980, là Tỉnh ủy viên (Dự khuyết, sau đó là Tỉnh ủy chính thức) Trưởng Ty Thông tin văn hóa, Phó Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Hậu Giang (Cần Thơ) và được Đảng và Nhà nước giải quyết chính sách nghỉ hưu về sinh sống cùng gia đình tại xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm.

## **67. LÊ VĂN TẸN**

Lê Văn Tẹn (1922 - 1998), tên thường gọi Tư Sa, (tên khai sinh Lê Văn Tẹn), ở làng Chánh Hội, quận Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc xã Nhơn Phú, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long). Ông sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, được cách mạng giáo dục nên sớm tham gia tổ chức yêu nước, tham gia cướp chính quyền trong Cách

mạng tháng Tám 1945, và làm Đoàn trưởng Thanh niên Tiền phong kiêm Trung đội trưởng dân quân xã nhà.

Khi Pháp tái chiếm, ông cầm súng chiến đấu giữ nhiệm vụ từ ấp Đội đến xã đội trưởng xã Nhơn Chánh (nay là xã Nhơn Phú và xã Chánh Hội). Từ năm 1950, ông được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Sau hiệp định Giơnevơ, ông ở lại miền Nam công tác làm Bí thư Chi bộ xã Chánh Hội, rồi Huyện ủy viên huyện Cái Nhum. Chuẩn bị lực lượng cho phong trào Đồng Khởi từ năm 1959, ông được phân công làm Huyện đội trưởng huyện Cái Nhum. Năm 1962, ông được giao nhiệm vụ Bí thư Huyện ủy huyện Cái Nhum kiêm Chính trị viên huyện đội. Năm 1967, được bầu làm Tỉnh ủy viên tỉnh Vĩnh Long, phân công Tỉnh đội phó phụ trách hậu cần và xây dựng lực lượng bí mật phục vụ cho tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Mậu Thân ở huyện nhà.

Tháng 9/1969, sau đợt tổng tấn công mùa Xuân 1968 ở huyện Bình Minh, cán bộ bị thiệt hại, cơ sở bị địch đánh phá gặp nhiều khó khăn, ông được điều về làm Bí thư Huyện ủy Bình Minh. Từ năm 1972, khi Tỉnh ủy Vĩnh Long thành lập phân ban gồm 4 huyện Châu Thành, Lai Vung, Lấp Vò, Sa Đéc ông được phân công làm Trưởng phân ban. Trong tình hình địch đánh phá ác liệt ông chỉ đạo bám dân, bám đất “một tắt không đi, một ly không rời” sáng tạo đánh địch giữ vững thực lực cách mạng.

Từ giữa năm 1974, thành lập tỉnh Sa Đéc gồm 4 huyện thị phía Bắc sông Tiền là Mỹ An, Kiến Văn, Cao Lãnh, ông được chỉ định làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Sa Đéc, chỉ đạo các huyện Nam sông Hậu và làm Trưởng Ban Dân vận, Chủ tịch Mặt trận tỉnh cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975.

Từ tháng 2/1976, thành lập tỉnh Đồng Tháp, ông được phân công làm Trưởng Ban Dân vận Mặt trận, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận, đặc cử hai khóa là thành viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Năm 1986, ông được chính sách nghỉ hưu, ông mất ngày 4/7/1998, tại xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

## **68. CHÂU VĂN SANH**

Châu Văn Sanh (1911-1944), là một nhân sĩ yêu nước nổi tiếng, tên khai sinh Châu Sanh, tục danh công tử Lờ, ông sinh ra tại làng Chánh Hội, huyện Cái Nhum (nay thuộc huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long). Vốn gia đình làm nghề buôn bán khá giả, ông được chăm sóc học hành biết chữ Hoa, chữ Tây, và chữ Quốc Ngữ.

Ông là thành viên của tổ chức Thiên Địa Hội ở Cái Nhum, thường ra tay nghĩa hiệp giúp người hoạn nạn, cô thế, ghét bọn cậy quyền ý thế hiếp đáp dân lành. Từ ảnh hưởng của gia đình nên ông có tính từ thiện nhưng cũng rất phóng khoáng.

Ông được Nguyễn Văn Đại, cùng trang tuổi là thành viên tổ chức Cách mạng Đồng chí Hội (tiền thân của tổ chức Đảng Cộng Sản) tại Ngã Tư (Long Hồ), trực tiếp tuyên truyền cách mạng, ông sớm giác ngộ lòng yêu nước, từ đó tích cực tham gia đấu tranh, biểu tình chống Pháp.

Đầu năm 1930, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Văn Thiệt, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chào mừng Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930), biểu dương khí thế cách mạng, chuẩn bị tiến tới thành lập Đảng bộ Vĩnh Long. Ngày 5/6/1930, cuộc biểu tình quy mô trên 2.000 người ở ba huyện Châu Thành, Tam Bình, Vũng Liêm tham gia có băng cờ, khẩu hiệu, trống mõ, tù và cổ vũ ở liên tỉnh lộ 7 (nay là quốc lộ 53). Ông là người đi đầu cầm cờ, bà Huỳnh Thị Khỏe và Nguyễn Thị Cần cầm bần kéo từ Đất Méo ra tỉnh lỵ Vĩnh Long, tới Văn Thánh bị địch ngăn chặn. Tỉnh trưởng Vĩnh Long Ele Pommez ra lệnh thẳng tay đàn áp, nổ súng giết chết 8 người, đánh trọng

thương và bắt trên 60 người chở đi. Châu Văn Sanh bị địch đánh ở đầu máu chảy đỏ mặt, bị bắt giam ở khám Vĩnh Long. Tháng 7/1930, ông bị giam ở khám lớn Sài Gòn cùng với các ông Trần Phú, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Tây, Ngô Văn Chính, Nguyễn Văn Nhung. Ông chăm sóc giúp đỡ ông Trần Phú lúc hấp hối và dự mặc niệm noi gương người cộng sản kiên cường, sau đó ông bị đày ra Côn Đảo. Năm 1936, khi Mặt trận bình dân Pháp nắm quyền, ông được trả tự do về móc nối với ông Nguyễn Văn Thiệt và một số tù chính trị khác vận động thành lập Ủy ban hành động ở Ngã Tư, gửi thư dân nguyện đòi dân sinh, dân chủ chuẩn bị tiến tới Đông Dương Đại Hội. Năm 1939, chính quyền phản động Pháp lên thay thế, ra sức đàn áp các tổ chức tiến bộ, loại tổ chức cộng sản ra khỏi vòng pháp luật, ra sức bắt tù đày. Nhà ông Châu Văn Sanh nuôi chứa đồng chí Tụy (tức đồng chí Nguyễn Văn Linh) và Vũ Thiệu Tấn, ủng hộ tiền bạc để hoạt động cách mạng lúc khó khăn.

Ngày 4/01/1940, ông bị địch bắt, ngày 20/7/1940 tòa kết án tại Sài Gòn “tội vận động lực lượng để lật đổ chính quyền” 5 năm tù đày, 10 năm biệt xứ, đày Côn Đảo lần 2. Bị đày, ăn uống kham khổ, bệnh tật, mọi thiếu thốn dẫn đến kiệt sức, các tù nhân chết lần chết mòn. Ngày 25/7/1944, trong một cuộc đấu tranh chống khủng bố, ông trút hơi thở cuối cùng ở tuổi 33.

Châu Văn Sanh được công nhận là thành cách mạng.

## 69. HỒ THỊ ĐIỆU

Mẹ Việt Nam Anh hùng Hồ Thị Diệu, quê quán ở xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, mẹ có chồng và 03 con là liệt sĩ. Chồng mẹ, là liệt sĩ Lê Văn Sốt, sinh năm 1920, tham gia cách mạng 1960, hy sinh năm 1965, tại xã An Phước lúc ấy ông là du kích xã; Liệt sĩ Lê Văn Tổng, sinh năm 1943, tham gia cách mạng 1964, hy sinh năm 1972 lúc đó ông giữ chức vụ xã Đội trưởng; Liệt sĩ, Lê Văn Quang, sinh năm 1948, tham gia du kích xã năm 1968, hy sinh năm 1969; Liệt sĩ, Lê Văn Bé, sinh năm 1951, tham gia cách mạng năm 1969. Trong trận giặc càn vào xã, chúng bắn ông bị thương và bắt sống, chúng đánh đập tàn nhẫn nhưng ông không khai báo, chúng bắn ông năm 1969, lúc ấy anh là cán bộ công an.

Vì có mối liên hệ với gia đình cách mạng, nên bản thân mẹ cũng bị giặc bắt tù đày nhưng mẹ vẫn giữ khí tiết của gia đình cách mạng. Các con hy sinh giặc lấy xác, một mình mẹ ra đôn giặc đòi xác con về chôn cất, lòng căm thù giặc và tình thương con đối với nỗi đau mất mát làm cho mẹ không sợ giặc nữa.

## 70. NGUYỄN THỊ NHAN

Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Nhan (1910 - 2002), quê quán ở xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, mẹ có chồng và 03 con là liệt sĩ.

Trong kháng chiến chống Pháp, chồng mẹ là ông Võ Văn Thôn, sinh năm 1909, tham gia cách mạng năm 1940, hy sinh năm 1952, trong lúc hỗ trợ quần chúng đấu tranh chính trị bị Pháp đàn áp, lúc ấy ông giữ chức vụ Phó Chủ tịch Mặt trận Liên Việt; Cùng với chồng và các con đi kháng chiến, mẹ cũng là lực lượng tóc dài đấu tranh chính trị. Trong hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn và sống trong sự rình rập của kẻ thù, năm 1961, mẹ cùng các chị em đấu tranh với bọn tề ngụy, chống bắn giết dân lành, chống bắt con em đi lính, cuộc đấu tranh thắng lợi. Con mẹ: ông Võ Văn Huyện, sinh năm 1933, tham gia cách mạng năm 1960, hy sinh năm 1970, trong trận giặc càn đóng bót ở xã Hòa Tịnh, chức vụ Ủy viên Ban kinh tài huyện; Võ Văn Chính, sinh năm 1947, tham gia cách mạng 1962, hy sinh năm 1969 trong trận giặc phục kích khi đi công tác, chức vụ Bí

thư xã An Phước; Anh Võ Thanh Hùng sinh năm 1953, tham gia cách mạng năm 1965, hy sinh năm 1971, trong trận phòng ngự ở huyện Càng Long, chức vụ trung đội phó thông tin tiểu đoàn 306.

## **71. LÊ VĂN HAI**

Anh hùng Lê Văn Hai (1952-1969), quê quán ở ấp Thiêng Long, xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Ông xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, do từ nhỏ lớn lên trong chiến tranh và chứng kiến cảnh ông ngoại và cậu ruột của mình bị giặc giết hại dã man, nên lòng căm thù giặc trong ông đã có từ nhỏ. Năm 1967, ông gia nhập đội du kích xã Hòa Tịnh, khi mới 15 tuổi.

Năm 1969, giặc càn quét khu Miếu Trắng, Vườn Cò, ông cùng đồng đội rút về hướng xã Nhơn Phú, nhưng ông là người đi sau cùng để bảo vệ đồng đội. Đến Miếu Trắng, ông bị địch bắn cắt đuôi, đồng đội ông chạy về được căn cứ, còn ông phải quay trở lại. Một mình ông chống trả lại với địch chiến đấu đến khi súng hết đạn, ông bẻ súng bỏ và tìm nơi ẩn nấp nhưng do lúc đó nước sông cạn nên địch lần theo dấu chân của ông và phát hiện nơi ẩn nấp, bọn chúng bắt sống ông tìm mọi cách để khai thác thông tin nhưng ông kiên quyết không khai báo và lớn tiếng chửi lại và còn cắn vào cổ một tên bị thương nặng, không khai thác được gì chúng bắn chết ông và xô xuống sông.

Lê Văn Hai tuy tuổi còn rất trẻ, đã chiến đấu hy sinh anh dũng để bảo vệ đồng đội, bảo vệ quê hương đất nước.

## **72. SỰ KIỆN 2 THÁNG 9**

Ngày 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 2/9/1945 đã trở thành ngày Quốc khánh của nhân dân Việt Nam, ghi nhận chiến công hiển hách của dân tộc đã đánh đổ ách thống trị thực dân và chế độ quân chủ, cổ vũ sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa trên toàn thế giới.

**Ghi chú:** Tổng cộng có **67** nhân vật và **05** sự kiện lịch sử.